

BÁO CÁO
Kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2020
của huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới, huyện Càng Long đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Kinh tế xã hội có bước phát triển khá, diện mạo nông thôn có sự thay đổi; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; tình hình an ninh trật tự được giữ vững, ổn định, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

I. Đặc điểm chung:

1. Đặc điểm tự nhiên:

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên:

Huyện Càng Long ở phía Bắc tỉnh Trà Vinh, thuộc tả ngạn sông Hậu, cách thành phố Trà Vinh 11 km về hướng Đông theo Quốc lộ 53.

+ Phía Bắc giáp huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và Huyện Mỏ Cà Ná Nam tỉnh Bến Tre.

+ Phía Đông giáp huyện Châu Thành và thành phố Trà Vinh.

+ Phía Tây giáp huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

+ Phía Nam giáp huyện Tiểu Cần và huyện Cầu Kè.

Đơn vị hành chính của huyện có 13 xã và 01 thị trấn bao gồm: thị trấn Càng Long, xã Mỹ Cẩm, An Trường, An Trường A, Tân An, Tân Bình, Huyện Hội, Phương Thạnh, Bình Phú, Nhị Long, Nhị Long Phú, Đức Mỹ, Đại Phúc, Đại Phước; Tổng số có 111 ấp và 10 khóm.

Diện tích tự nhiên 29.389,3 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 24.306,4 ha; Huyện có vị trí địa lý thuận lợi về giao thông đường bộ và đường thủy. Những điều kiện thuận lợi này sẽ góp phần tích cực cho huyện Càng Long phát triển về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch.

Địa hình huyện Càng Long mang tính chất chung của vùng đồng bằng sông Cửu Long nên tương đối bằng phẳng, cao trên 1,2m, độ cao trung bình 0,4m – 1,0m so với mặt nước biển, cao trình thấp phân bố rải rác ở một số khu vực tại các xã An Trường, Mỹ Cẩm, Tân An có địa hình thấp trũng (cao trình < 0,4m). Nhìn chung, địa hình huyện Càng Long thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và cây ăn trái. Tuy nhiên ở một số xã phía Bắc chịu ảnh hưởng mạnh mẽ

của chế độ bán nhật triều nên vào mùa lũ và lúc triều cường lên cao đất thường bị ngập khá sâu...

Huyện có đặc điểm khí hậu chung của tỉnh Trà Vinh, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới, gió mùa; chia làm 02 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 mùa khô từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau. Thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nước từ sông Mê Kông đổ về mang theo phù sa bồi đắp ruộng đồng.

Nhiệt độ: Nhiệt độ tương đối cao, nhiệt độ trung bình từ 25 - 28⁰C, cao nhất 35⁰C vào tháng 4. Biên độ nhiệt ngày và đêm tương đối nhỏ khoảng 5,5 – 7,5⁰C.

Chế độ nắng và bức xạ: Tổng số giờ nắng trung bình hằng năm khoảng 2.600 giờ. Số giờ nắng từ 5,4 đến 9,7 giờ/ngày tùy theo mùa. Tổng lượng bức xạ là 820.800 cal/cm²/năm, trung bình tháng 6.900 cal/cm²/năm.

Ẩm độ không khí: độ ẩm không khí trung bình từ 80 – 90% biến đổi theo mùa và theo gió mùa. Các tháng mùa mưa có độ ẩm lớn hơn các tháng mùa khô, các tháng cuối mùa mưa có độ ẩm cao nhất và đạt sấp xỉ 90%.

Gió: Có hai hướng gió chính là: Đông Bắc thổi vào mùa khô, tốc độ gió trung bình từ 1,6 – 2,8m/s. Gió Tây, Tây Nam thổi vào mùa mưa, tốc độ gió trung bình từ 3 – 4m/s.

Mưa: Tổng lượng mưa/năm đạt khoảng 1.600 mm phân bố không đều theo mùa. Lượng mưa vào các tháng mùa mưa chiếm tới 90% lượng mưa cả năm, tập trung từ tháng 8 đến tháng 10 (trung bình từ 260 – 270 mm/tháng). Mùa khô chỉ chiếm 10% lượng mưa cả năm, thời kỳ khô hạn nhất vào các tháng 12, 1,2,3.

Hạn: Trong các tháng mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 8 dương lịch thường xảy ra hạn, chủ yếu là hạn 1 tuần liên với xác suất xảy ra hạn ở tuần thứ nhất tháng 7 đến 44% và tuần thứ hai tháng 8 là 22%. Hạn 2 tuần liên có xảy ra nhưng xác suất thấp.

Sự bốc hơi nước: Lượng bốc hơi nước bình quân nhiều năm của các tháng biến thiên từ 48mm vào tháng 7 đến 111mm vào tháng 3, lượng bốc hơi nước cao nhất vào mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

1.2. Các loại tài nguyên

1.2.1. Đất đai

Theo hệ thống phân loại chung tại vùng đất Càng Long chia thành 3 nhóm chính: đất phù sa chiếm 55,89%, đất phèn chiếm 42,35%, đất giồng cát 1,76%.

Trong đó:

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 24.306,4 ha:
- + Đất sản xuất nông nghiệp: 24.220,7 ha (diện tích đất trồng cây hàng năm 12096,2.600 ha, đất trồng cây lâu năm 12.124,6 ha, chiếm 41,3%).
- + Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 63,33 ha.

- + Đất lâm nghiệp 21,2 ha, chiếm 0,1%
- + Đất nông nghiệp khác 1,2 ha;
- Đất phi nông nghiệp 5.074,6 ha, chiếm 17,3% diện tích đất tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng 8,2 ha (theo niên giám thống kê năm 2019).

1.2.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt trực tiếp cung cấp cho Càng Long là Sông Cổ Chiên thông qua các nhánh sông như: Sông Cái Hóp – An Trường, Sông Láng Thè – Ba Si với lượng nước dồi dào phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản và các ngành nghề khác.

Ngoài ra, Huyện Càng Long có một hệ thống nước ngầm phong phú và đa dạng, có 5 tầng chứa nước: ở tầng trên nguồn nước bị nhiễm mặn, 3 tầng tiếp theo ở giữa, nguồn nước ngọt phong phú và chất lượng khá hơn (chủ yếu cung cấp nước cho sinh hoạt), chiều sâu thay đổi từ 60m đến 400m và phổ biến từ 90m đến 120m, cuối cùng là tầng miocene

1.2.3. Tài nguyên khoáng sản

Về mặt địa chất, qua những kết quả thăm dò trong thời gian qua cho thấy huyện không có tài nguyên khoáng sản quý giá đáng kể chỉ có cát sông, đất giồng cát và đất sét. Cát sông tập trung chủ yếu ở khu vực thuộc sông Cổ Chiên hầu hết ở dạng cát lẫn bùn. Đất sét làm gạch ngói tại các xã Tân An, Tân Bình, Đức Mỹ tuy nhiên đa phần trên diện tích trồng lúa do đó không quy hoạch khai thác.

1.2.4. Tài nguyên nhân văn

Theo niên giám thống kê huyện Càng Long toàn huyện có 147.694 người trong đó: Nữ 74.954 người (50,75%), Nam : 72.740 người (49,25%); với 35.839 hộ dân, mật độ dân số 502 người/km². Dân số trong độ tuổi lao động 84.185 người chiếm 57%, trong đó hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp 70.715 người chiếm 84% tổng số lao động toàn huyện; tỷ lệ hộ nghèo còn 1,73%.

2. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội:

Những năm qua, Đảng bộ và Nhân dân huyện Càng Long đã đoàn kết, nỗ lực, phấn đấu thực hiện đạt được nhiều kết quả quan trọng: Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010 - 2015, đạt 10,81%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 11,03%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ; tỷ trọng nông nghiệp 41,71%; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng 20,53%; tỷ trọng dịch vụ 37,76% trong tổng sản phẩm xã hội. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 58 triệu đồng/người/năm, thu ngân sách bình quân hàng năm tăng 11,8%, cụ thể như sau:

2.1. Nông – lâm - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với xây dựng nông thôn mới

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp – thủy sản năm 2020 đạt 4.166 tỷ đồng, tăng bình quân 1,26%.

Nông nghiệp là thế mạnh của huyện, tập trung lãnh, chỉ đạo đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và phát triển bền vững; mở rộng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng các loại giống có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, xây dựng cánh đồng lớn, sản xuất lúa chất lượng cao, cải tạo vườn tạp, chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị kinh tế cao như: cam sành, bưởi da xanh, dứa, thanh long, quýt đường... góp phần tăng thu nhập cho người dân. Chỉ đạo xây dựng mỗi xã, thị trấn một sản phẩm chủ lực, đăng ký sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện. Các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học được áp dụng phổ biến, công tác tiêm phòng, tiêu độc khử trùng được quan tâm thực hiện, hạn chế dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

Thủy sản được đa dạng về chủng loại mang lại hiệu quả kinh tế cao, diện tích 1.090 ha; sản lượng thủy sản ước đạt 11.520 tấn, mang lại giá trị sản xuất ngành thủy sản 500 tỷ đồng, tăng bình quân 15,33%.

2.2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Tiếp tục phát triển cả về số lượng và quy mô sản xuất, ngành nghề phát triển đa dạng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng dần hàng năm, công tác kêu gọi đầu tư bước đầu thu hút nhiều dự án được triển khai, các doanh nghiệp tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất, gia tăng sản lượng. Các ngành xay xát lương thực, lao bóng gạo, sửa chữa cơ khí, sản xuất gạch không nung, tơ xơ dừa, thảm xơ dừa, đan lát, nước đá, mộc gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc, may khâu trang, áo đi mưa,... chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 920 tỷ đồng, tăng 16,63%/năm, giải quyết việc làm cho trên 8.000 lao động. Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống được quan tâm quy hoạch, đầu tư, khôi phục và phát triển.

2.3. Thương mại - dịch vụ

Thương mại dịch vụ có bước phát triển mạnh, nhiều ngành có mức tăng trưởng khá. Đã hình thành một số loại hình dịch vụ chất lượng, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống Nhân dân; thường xuyên tuyên truyền vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đã góp phần rất lớn trong việc khẳng định chất lượng hàng hóa Việt Nam; những năm qua, huyện đã đầu tư, nâng cấp các chợ, đảm bảo nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của Nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 3.771 tỷ đồng, tăng bình quân 24,13%/năm, góp phần tạo việc làm cho 15.500 lao động. Đến nay toàn huyện có 10 chợ đạt chuẩn nông thôn mới; đã chuyển đổi hoạt động quản lý chợ Càng Long sang mô hình Hợp tác xã quản lý và khai thác.

2.4. Tài chính – tín dụng

Quản lý và điều hành ngân sách đi vào nền nếp đúng theo Luật Ngân sách nhà nước, thực hiện tốt chính sách bồi dưỡng nguồn thu, tổng thu ngân sách đến năm 2020 ước đạt 691 tỷ 973 triệu đồng, trong đó thu nội địa 57,2 tỷ đồng, tăng bình quân 11,8%. Giảm chi ngoài dự toán, tăng chi đầu tư phát triển, sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế. Cơ bản khắc phục tốt những hạn chế qua công tác kiểm toán, kiểm tra, thanh tra ngân sách.

Chất lượng hoạt động các tổ chức tín dụng đáp ứng yêu cầu: nguồn vốn huy động và cho vay tăng hàng năm. Đồng thời mở rộng đối tượng cho vay, theo hướng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, dư nợ tăng hàng năm, nợ quá hạn và nợ xấu chiếm tỷ lệ dưới 0,5%.

2.5. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Huyện tập trung huy động mọi nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiệu quả với tổng nguồn vốn được huy động 475 tỷ đồng; nhiều dự án, công trình quan trọng được đầu tư xây dựng; mạng lưới giao thông phát triển rộng khắp, phục vụ tốt nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của Nhân dân; hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu sản xuất của người dân; cơ sở vật chất sự nghiệp giáo dục, y tế được đầu tư; hệ thống điện được cải tạo, nâng cấp phát triển mới, đến nay 100% xã, thị trấn phủ lưới điện quốc gia, mạng lưới viễn thông phủ sóng rộng, chất lượng đảm bảo. Hệ thống cấp nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phục vụ sản xuất. Giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 950 tỷ đồng, tăng 1,79 lần so với năm 2015.

2.6. Phát triển các loại hình doanh nghiệp, kinh tế hợp tác và hợp tác xã

- Thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức hội nghị gặp gỡ, trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển doanh nghiệp, 8.000 cơ sở sản xuất kinh doanh, ước tổng số vốn đầu tư doanh nghiệp trên 500 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho trên 10.000 lao động và 26 Hợp tác xã, với 2.262 thành viên (trong đó, có 17 Hợp tác xã nông nghiệp, 9 Hợp tác xã phi nông nghiệp), 229 Tổ kinh tế hợp tác (4.400 thành viên). Tiến hành rà soát, đánh giá lại các tiêu chí theo Quyết định 445 của Chính phủ đối với 2 Hợp tác xã được lựa chọn xây dựng Hợp tác xã kiểu mới; triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã.

2.7. Giáo dục và đào tạo

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI), từ đó chất lượng giáo dục và đào tạo phát triển toàn diện hơn, mạng lưới trường lớp được đầu tư cơ bản, đội ngũ cán bộ giáo viên các cấp học đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học; bệnh thành tích được khắc phục, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo; tỷ lệ học sinh khá, giỏi và trúng tuyển vào các trường

Đại học, Cao đẳng tăng đáng kể; thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn huyện. Huy động học sinh vào lớp trong độ tuổi hằng năm đều đạt chỉ tiêu: tỷ lệ trẻ từ 3-5 tuổi vào lớp chiếm 85,20%, bậc Tiểu học chiếm 100%, bậc Trung học cơ sở chiếm 99,40%, bậc Trung học phổ thông chiếm 89,10%. Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học, đến nay toàn huyện hiện có 710 phòng học kiên cố chiếm 90,40%. Xây dựng 27 trường đạt chuẩn quốc gia.

2.8. Y tế, dân số KHHGD

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên; triển khai nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của tuyến y tế cơ sở, y tế dự phòng; công tác phòng chống dịch được chủ động thực hiện ngay từ đầu năm, không để tình trạng dịch bệnh lây lan trên diện rộng. Các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình ngày càng hiệu quả; Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường, xử lý kịp thời.

2.9. Văn hóa, thể thao và du lịch

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai sâu rộng, gắn với cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, xây dựng nếp sống văn minh đô thị mang lại hiệu quả thiết thực. Tổ chức tốt các hoạt động chào mừng các ngày lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng của địa phương. Công tác quản lý, tổ chức các lễ hội, hoạt động trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát triển các di tích văn hóa được chú trọng. Cơ sở vật chất văn hóa tiếp tục được quan tâm đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí. Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục được duy trì và phát triển, số người tham gia thể dục thể thao thường xuyên đạt trên 35,34%, tham gia phong trào thể thao do tỉnh tổ chức đạt nhiều thành tích cao

Lĩnh vực du lịch có nhiều tiến bộ, công tác xúc tiến, quảng bá du lịch được quan tâm. Hiện nay trên địa bàn huyện có 03 khu di tích cấp quốc gia; 01 cấp tỉnh và 01 khu du lịch sinh thái Miệt vườn MêKông tại ấp Đon xã Nhị Long, 01 khu du lịch cộng đồng ở cồn Hô, xã Đức Mỹ mở cửa cho khách tham quan Du lịch hằng năm có từ 2.800 lượt khách đến tham quan vào những ngày lễ, tết. Riêng khu du lịch sinh thái Miệt vườn MêKông phục vụ khách tham quan du lịch và cư trú qua đêm hàng năm có từ 559 lượt khách từ các nước Pháp, Úc, Thụy Điển và các nước khác.

2.10. Chính sách xã hội

Lao động, việc làm, đào tạo nghề: Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt kế hoạch đào tạo nghề và giới thiệu việc làm, nâng tổng số lao động qua đào tạo là 45.162 lao động đạt 58,71% so với tổng số lao động có việc làm trên địa bàn huyện

Công tác giảm nghèo: Triển khai thực hiện nhiều giải pháp giảm nghèo, chú trọng đầu tư cho những vùng đặc biệt khó khăn nhằm kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn ở mức trung bình so với mặt bằng chung của các xã trong huyện, đến nay tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 1,73%, so với năm 2010 giảm 13,84%.

3. Thuận lợi:

Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ nhiệt tình, tích cực của các Sở, ngành cấp tỉnh. Với chủ trương, chính sách, cơ chế sáng tạo, linh hoạt, đổi mới, tích cực, đồng bộ và quyết liệt của Tỉnh. Sự đồng thuận, thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp Nhân dân trong huyện. Hệ thống chính trị ổn định, an ninh trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, Nhân dân có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất và tích cực tham gia công cuộc xây dựng Nông thôn mới.

Có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là có đội ngũ cán bộ chủ chốt có phẩm chất đạo đức cách mạng, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và chịu trách nhiệm.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên. Kết cấu hạ tầng đầu tư xây dựng cơ bản; y tế, giáo dục, khoa học công nghệ ngày càng phát triển; thông tin liên lạc, điện, nước sinh hoạt đáp ứng cơ bản nhu cầu của người dân; công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn ngày càng chú trọng; ý thức bảo vệ môi trường được nâng cao, ... Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn theo hướng trong sạch vững mạnh; dân chủ ở cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong quá trình chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cũng gặp không ít khó khăn.

Xây dựng nông thôn mới là chương trình mục tiêu Quốc gia lớn, mới, do đó chưa có kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện.

Việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, công nhận hộ, ấp nông thôn mới tiến độ còn chậm; một số tiêu chí thuộc trách nhiệm các xã thực hiện kéo dài thời gian. Một bộ phận nhân dân đời sống khó khăn còn trông chờ chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, chưa tự vươn lên thoát nghèo, nguồn lao động chưa qua đào tạo nghề, lao động thiếu việc làm vẫn còn. Tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, giá cả đầu ra các mặt hàng nông sản không ổn định, ... ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

II. Căn cứ triển khai thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới:

1. Văn bản của Trung ương:

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới; Quyết định số 342/QĐ-TTg, ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thông tư số 35/2016/TT-BNN&PTNT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg, ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600 ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Các văn bản khác của các Cơ quan, các Bộ, Ngành Trung ương có liên quan tới công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

2. Văn bản của tỉnh Trà Vinh:

Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 04/10/2011 của Tỉnh ủy Trà Vinh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Kế hoạch số 16-KH/TU, ngày 04/4/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020;

Quyết định số: 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020;

Kế hoạch số 12/KH-UBND, ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Quyết định số 19/QĐ-BCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Ban chỉ đạo các CTMTQG và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2019;

Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Văn bản của huyện Càng Long:

Nghị quyết số 04 - NQ/HU ngày 30/11/2011 của Huyện ủy Càng Long về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Kế hoạch số 28 - KH/HU ngày 22/7/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy Càng Long về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 06/KH-BCĐ ngày 01/01/2020 của Ban chỉ đạo Các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Các văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Càng Long về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của huyện, từng cấp thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đảm bảo đúng qui định và kịp thời, có phân công trách nhiệm từng đồng chí, từng lĩnh vực, từng địa bàn, cụ thể:

- Cấp huyện:

+ Năm 2011, Ban Thường vụ Huyện ủy Càng Long ban hành Quyết định số 331-QĐ/HU ngày 03/10/2011 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG xây dựng NTM có 26 thành viên, Trưởng Ban Chỉ đạo do đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm nhiệm và thành lập; phân công cụ thể cho từng thành viên BCĐ và Tổ giúp việc phụ trách địa bàn; Năm 2017 Ban Thường vụ Huyện ủy Càng Long đã ra quyết định 458-QĐ/HU ngày 15 tháng 02 năm 2017 sáp nhập các Chương trình MTQG thành BCĐ các Chương trình MTQG và phong trào TĐĐKXDĐSVH huyện, đến nay đã 7 lần kiện toàn và bổ sung.

+ Thực hiện theo Quyết định 1996/QĐ-TTg ngày 4/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1920/QĐ-TTg, ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. UBND huyện đã thành lập Văn phòng nông thôn mới gồm 22 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng, đồng chí Trưởng Phòng Nông nghiệp & PTNT Phó Chánh Văn phòng. Văn phòng nông thôn mới huyện do phòng Nông nghiệp và PTNT huyện làm thường trực, đến nay đã 6 lần kiện toàn do thay đổi nhân sự.

- Cấp xã: Có 13/13 xã thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa giai đoạn 2016-2020, có 455 thành viên do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng Ban chỉ đạo và có phân công cán bộ chuyên trách phụ trách nông thôn mới. Đã có 100% ấp thành lập Ban Phát triển ấp, với tổng số 310 người.

Bộ máy quản lý trong xây dựng nông thôn mới các cấp từ huyện đến xã hoàn thiện và hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả và năng lực quản lý. Ban chỉ đạo các cấp đã kịp thời ban hành các văn bản như Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; các Quyết định qui chế hoạt động, phân công. Từ đó các cấp ủy, người đứng đầu tăng cường vai trò lãnh, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới, thi đua lao động, sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, thu nhập, ổn định cuộc sống.

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế xã hội từ khi bắt tay vào xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Càng Long đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình. Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết lãnh đạo, Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện; phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy chính quyền địa phương; UBND huyện đã xây dựng và ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện; tổ chức hội nghị quán triệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh; triển khai kế hoạch của UBND, Ban chỉ đạo huyện đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện cùng tham gia thực hiện.

Ủy ban Nhân dân huyện, Ban chỉ đạo huyện đã tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới để chỉ đạo các xã xây dựng Quy hoạch và Đề án nông thôn mới theo qui định làm căn cứ triển khai thực hiện. Nội dung thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được đưa vào các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm, giai đoạn, để đánh giá rút kinh nghiệm; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, các Ban, Phòng ngành huyện cũng đã tích cực trong công tác kiểm tra, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn ngay từ cơ sở.

Quy hoạch và quản lý theo quy hoạch; tập trung phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội, đặc biệt là giao thông nông thôn đảm bảo đồng bộ, lưu thông thông suốt,

phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân, góp phần quan trọng cho việc phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Xác định công tác xây dựng nông thôn mới rất cần nguồn lực đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Vì vậy, Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung huy động tối đa nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh; vốn doanh nghiệp; vốn tín dụng và vốn đối ứng của Nhân dân để thực hiện Chương trình. Kết quả đã huy động được nguồn lực to lớn, cơ bản hoàn thành các tiêu chí về kết cấu hạ tầng nông thôn mới.

Nhằm nâng cao thu nhập, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về vật chất và tinh thần cho người dân khu vực nông thôn, Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp, đã xây dựng được vùng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị với nhiều mô hình sản xuất lúa mang lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao thu nhập của người dân.

Chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh; Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Nghị quyết, Kế hoạch và nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện về công tác bảo vệ môi trường, xây dựng các tuyến đường “*sáng - xanh - sạch - đẹp*”; thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về công tác bảo vệ môi trường, đã được Nhân dân đồng tình hưởng ứng và thực hiện đạt hiệu quả thiết thực.

Đề huyện Càng Long đạt chuẩn nông thôn mới vào cuối năm 2020, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết, UBND huyện ban hành Kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; đã huy động cả hệ thống chính trị và toàn thể Nhân dân quyết tâm tập trung hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới theo Nghị quyết, Kế hoạch đề ra.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn:

2.1. Công tác truyền thông:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới được Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở quan tâm triển khai, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên hội viên và các tầng lớp Nhân dân với nhiều hình thức đa dạng về nội dung; phong phú, sáng tạo về hình thức để tạo điều kiện cho cán bộ, Nhân dân trên địa bàn nhận thức sâu sắc hơn về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Kết quả đã tuyên truyền được 4.676 cuộc có 156.238 lượt người tham dự. Ngoài tuyên truyền trực tiếp cho người dân, ban chỉ đạo huyện còn cấp phát các tài liệu tuyên truyền khác cho địa phương như: cấp 8.000 cuốn sổ tay và hơn 28.000 tài liệu bướm, 138 đĩa CD (gồm 02 thứ tiếng Kinh và Khmer) hướng dẫn xây dựng nông thôn mới, vận động xây dựng hàng rào, xóa cầu tiêu trên ao hồ, sông rạch, xây dựng hố xí, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, tạo cảnh quan môi trường “*xanh - sạch - đẹp*”. Ngoài ra, bình

quân mỗi tháng Đài truyền thanh huyện phát thanh trên 500 tin, bài các loại về nông nghiệp, nông dân, nông thôn mới.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

+ **Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện:** Toàn huyện có 04 tôn giáo chính là Phật giáo (Nam tông và Bắc tông), Công giáo, Cao đài, Tịnh độ cư sĩ và tín ngưỡng dân gian với tổng số 39 cơ sở tín ngưỡng tôn giáo (trong đó có 04 chùa Phật giáo Nam tông Khmer (Có 02 Chùa được công nhận Di tích Cách mạng cấp quốc gia), 18 chùa Phật giáo Bắc tông, 01 Tịnh độ cư sĩ, Đạo Bửu sơn Kỳ Hương (có tín đồ nhưng không có cơ sở thờ tự) 08 Thánh thất Cao đài; 07 nhà thờ Công giáo, 01 điểm nhóm sinh hoạt tin lành Phúc âm ngũ tuần, 23 miếu, 12 đình thần); đồng bào có đạo chiếm 23,42% dân số toàn huyện đã hưởng ứng tích cực chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, tích cực tham gia Các chương trình, dự án ở cơ sở nhất là xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới, bảo vệ môi trường, công tác từ thiện xã hội và an sinh xã hội... Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt phương châm sống tốt đời, đẹp đạo; tích cực tham gia các phong trào của địa phương, như vận động xây dựng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, cận nghèo khó khăn về nhà ở, cầu, đường xây dựng cảnh quan môi trường, an sinh xã hội... góp phần cùng với địa phương thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện công tác đại đoàn kết trong xây dựng nông thôn mới, bằng nhiều hình thức vận động, Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện chủ động phối hợp với các ban ngành huyện đã vận động các tổ chức tôn giáo, vận động tổ chức cá nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài huyện đóng góp tiền và hiện vật, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo, người khó khăn, kết quả trong 10 năm qua các tổ chức Tôn giáo đã vận động được 39,3 tỷ đồng, qua đó xây dựng mới 224 căn, sửa chữa 07 căn nhà đại đoàn kết, trợ giúp học sinh nghèo hiếu học cho 31.537 lượt học sinh, thăm hỏi tặng quà vui xuân, cứu trợ về gạo, nhu yếu phẩm cho 110.971 lượt hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn, khám chữa bệnh miễn phí cho 83.171 lượt bệnh nhân nghèo, xây 53 hố xí hợp vệ sinh, 171 giếng nước sạch, bồn chứa nước, máy lọc nước,...

Thực hiện quy chế dân chủ trong xây dựng nông thôn mới nhất là xây dựng các công trình giao thông, nâng cấp, mở rộng các tuyến hương lộ, tỉnh lộ, đường liên ấp, nạo vét, mở rộng các công trình thủy lợi nhân dân đóng góp đất, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc.

Song song với triển khai các chương trình an sinh xã hội của Đảng và nhà nước, huyện còn chú trọng vận động nguồn lực xã hội phục vụ cho chương trình an sinh xã hội bằng cách huy động mọi nguồn lực, Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện, xã, thị trấn chủ động phối hợp với các ngành đoàn thể vận động mạnh thường quân, các nhà hảo tâm trong và ngoài huyện vận động các tổ chức, cá

nhân có điều kiện tham gia đóng góp vào các công trình, dự án phúc lợi của địa phương được 157 tỷ đồng để xây dựng 77 cây cầu bê tông, 43 đoạn đường, 5.181 căn nhà, và hỗ trợ bệnh nhân, cứu tế cứu trợ đột xuất cho hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn đã góp phần qua đó hỗ trợ, giúp đỡ cho 17.815 lượt hộ nghèo và hộ cận nghèo, góp phần kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo. Nhờ vậy, nhiều vùng sâu vùng xa của huyện giao thông được thông thoáng, người dân đi lại, giao thương, sản xuất được dễ dàng.

+ **Hội Nông dân huyện:** Vận động thành lập 13 Câu lạc bộ chung sức xây dựng nông thôn mới ở 13 xã, tổng số 182 thành viên; thành lập mới 54 mô hình hội viên nông dân tham gia bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn các xã, gồm 648 thành viên. Hội còn tham gia triển khai xây dựng nông thôn mới ở các xã, đồng thời tham gia nâng chất xã nông thôn mới đối với những xã đã được công nhận; chú trọng tuyên truyền triển khai thực hiện 5 tiêu chí do Trung ương Hội phát động; Xây dựng được 14 mô hình kinh tế có hiệu quả, tổng số 168 thành viên góp phần vào việc phát triển kinh tế của địa phương. Phối hợp với Hội làm vườn tinh thực hiện chương trình năng lượng môi trường Mê Kông dự án phát triển Biogas theo định hướng thị trường khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nhằm biến chất thải thành năng lượng. Hội đã vận động hội viên, nông dân chăn nuôi xây dựng được 261 hầm Biogas góp phần giữ vệ sinh môi trường nông thôn.

+ **Hội Liên hiệp Phụ nữ:** Tổ chức tuyên truyền cho hội viên phụ nữ về nội dung thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình “5 không 3 sạch”, gắn các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Kết quả tuyên truyền được 5.537 cuộc có 84.526 lượt người dự. Thành lập và nhân rộng các mô hình Câu lạc bộ “gia đình 5 không 3 sạch”, Câu lạc bộ “Quản lý giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội”, Câu lạc bộ “nuôi con khỏe dạy con ngoan”, mô hình “Ngôi nhà không bạo lực”, Câu lạc bộ “hạn chế sử dụng túi nilon và sản phẩm nhựa dung một lần”, xây dựng “tuyến đường hoa”, mô hình “ngõ sạch”... với 425 Câu lạc bộ có 7.581 thành viên tham gia. Hàng năm Hội cơ sở đăng ký với cấp ủy, chính quyền thực hiện các hoạt động, các phần việc thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh như: thực hiện mô hình “Tuyến đường hoa”, “ngõ sạch”, “hàng rào xanh”, vận động thành lập tổ hùn vốn mua BHYT, hùn vốn xây hố xí hợp vệ sinh, vận động mái ấm tình thương... kết quả duy trì 17 tổ hùn vốn xây hố xí hợp vệ sinh có 311 thành viên tham gia hùn được 622.000.000 đồng, cho 249 thành viên mượn xây hố xí hợp vệ sinh, 58 tổ hùn vốn mua BHYT có 878 thành viên, hùn số tiền trên 3,5 tỷ đồng, giúp cho trên 2.500 lượt người mượn mua BHYT gia đình, góp phần cho tỷ lệ hội viên có thẻ BHYT đạt 92,02% so hội viên hiện có. Bên cạnh đó các cấp Hội trong huyện đã vận động xây dựng 98 căn nhà mái ấm tình thương cho hội viên phụ nữ nghèo, khó khăn về nhà ở, với số tiền vận động hỗ trợ trên 2 tỷ đồng, góp phần tăng tỷ lệ hộ đạt nông thôn mới hàng năm trên địa bàn.

+ **Huyện đoàn:** Qua 10 năm thực hiện phong trào “Tuổi trẻ Càng Long chung tay xây dựng nông thôn mới” đã thắp lên ngọn lửa nhiệt huyết của đoàn

viên thanh niên trên địa bàn huyện, tích cực đóng góp công sức, trí tuệ xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh. Phong trào đã làm thay đổi nhận thức của đoàn viên thanh niên giúp họ chủ động, tự tin tham gia xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện phương châm “Mỗi thanh niên một việc tốt, mỗi cơ sở đoàn một hoạt động thiết thực tham gia xây dựng nông thôn mới”, trong quá trình triển khai, thực hiện Huyện đoàn đã chỉ đạo các cơ sở đoàn xã, thị trấn và đoàn trực thuộc tổ chức tuyên truyền vận động đoàn viên thanh niên trong tham gia xây dựng nông thôn mới.

Qua đó đã tuyên truyền vận động được 560 cuộc có 16.800 lượt cán bộ, đoàn viên, Hội viên thanh niên tham gia; cấp phát 186.400 tờ bướm tờ rơi về xây dựng nông thôn mới; Tổ chức đăng tải thông tin tuyên truyền lên trang mạng facebook của Huyện đoàn và các cơ sở đoàn được 2.356 bản tin, vận động bà con nhân dân làm hàng rào, cột cờ được 4.186 hộ; làm mới 378 hàng rào cây xanh với chiều dài 7.560 m; tặng 4.109 suất học bổng, 250 chiếc xe đạp, 1.337 áo xuân, 381 áo lụa, 490 góc học tập tổng kinh phí trên 2 tỷ 608 triệu đồng; 06 khu vui chơi cho thiếu nhi trị giá 135 triệu đồng; sửa chữa đường đal dài trên 80 km, làm mới đường giao thông nông thôn dài 62,171 km trị giá trên 60 tỷ 350 triệu đồng; vận động cất mới 13 nhà tình nghĩa, trị giá 633 triệu đồng, 112 nhà tình thương và tương đương trị giá 3 tỷ 449 triệu đồng; Nâng cấp 36 cầu bê tông, xây dựng 32 cầu giao thông nông thôn, tổng trị giá trên 8 tỷ 897 triệu đồng; vận động các cơ quan, tổ chức, mạnh thường quân và nhân dân hỗ trợ thực hiện công trình “*Tuyến đường Thanh niên Tự quản - sáng, xanh, sạch, an toàn*”, chiều dài trên 14km; 14 tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp do Đoàn tự quản với chiều dài trên 30km tổng kinh phí khoảng 820 triệu tại các xã, thị trấn.

+ **Hội Cựu chiến binh huyện:** Đã triển khai quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới đến hội viên, Cựu quân nhân và Nhân dân được 805 cuộc, với 26.635 lượt người dự. Thành lập 77 câu lạc bộ môi trường với 2.465 thành viên; thành lập 199 tổ mô hình 7+1 với 1.668 thành viên và 60 câu lạc bộ Cựu chiến binh cùng nhân dân tìm hiểu pháp luật với 840 thành viên; vận động tuyến đường “*hoa - sáng - sạch - đẹp*”, kết quả trồng hoa, cây xanh hai bên đường với chiều dài hơn 49km; phát quang bụi rậm với chiều dài 183km; vận động nhân làm đèn tháp sáng, chiều dài 21,6 km, số tiền vận động trên 600 triệu đồng; Xây dựng Quỹ hùn vốn giúp nhau phát triển kinh tế với số vốn 7,3 tỷ cho 1.009 hội viên mượn để phát triển kinh tế gia đình, vận động cất được 15 nhà tình nghĩa, tình thương với tổng số tiền 835 triệu đồng.

+ **Liên đoàn lao động huyện:** phát động nhiều phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ như: lao động giỏi với năng suất, chất lượng, hiệu quả, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào “Dân vận khéo”, phong trào “Sáng- xanh- sạch –đẹp” phong trào “Giỏi việc nước , đảm việc nhà”; phong trào “ văn hóa- thể thao” phong trào thi đua nâng cao trình độ nhằm thi đua phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

nông nghiệp và phát triển nông thôn ; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị” và phong trào Huyện Càng Long cùng cả nước chung tay xây dựng xây dựng nông thôn mới. Kết quả vận động có 866 cơ quan, doanh nghiệp mạnh thường quân ủng hộ 1 tỷ 615 triệu đồng; vận động đoàn viên và người lao động đóng góp 73 căn nhà mai ấm công đoàn với số tiền là 2 tỷ 335 triệu đồng, qua 10 năm có 960 CĐCS đăng ký mô hình dân vận khéo và trên 30.785 CNVCLĐ đăng ký tham gia phong trào.

2.2. Về công tác đào tạo, tập huấn:

Phối hợp tổ chức 152 lớp tập huấn về xây dựng nông thôn mới với 3.485 lượt đồng chí là thành viên Ban Chỉ đạo huyện, xã và người dân tham dự; Ngoài công tác tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác nông thôn mới các cấp, ban chỉ đạo huyện còn tổ chức các cuộc tham quan học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng nông thôn mới ở các tỉnh bạn để các địa phương nghiên cứu, lựa chọn mô hình thích hợp để làm theo.

Nhìn chung trong các cuộc tập huấn đều đạt yêu cầu về đối tượng, nội dung cần truyền đạt. Tuy nhiên, vẫn còn một số lớp chưa đạt yêu cầu do kỹ năng truyền đạt, chưa dẫn chứng nhiều hình ảnh về việc làm cụ thể của cán bộ, đảng viên và người dân trong xây dựng nông thôn mới, thời gian tập huấn ngắn do đó chưa truyền tải thông tin đầy đủ đến đối tượng cần truyền đạt, số lớp tập huấn còn thấp, phần nào cũng ảnh hưởng đến việc nâng cao năng lực cho cán bộ và người dân tham gia thực hiện.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới:

Huyện ủy - UBND huyện đã tranh thủ sự đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, đồng thời vận động sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài huyện và sự đối ứng của Nhân dân để thực hiện. Kết quả:

Tổng nguồn lực huy động thực hiện cho cả giai đoạn 2010 -2020 là 1.225 tỷ 778 triệu đồng. Trong đó giai đoạn 2010 -2015 là 458 tỷ 831 triệu đồng; giai đoạn 2016 -2020 là 766 tỷ 947 triệu đồng.

Tổng nguồn lực huy động giai đoạn 2016-2020 là: 766 tỷ 947 triệu đồng (so giai đoạn 2010 -2015 tăng 308 tỷ 116 triệu đồng). Trong đó

- Vốn Trung ương là: 57 tỷ 478 triệu đồng, chiếm 7,49%
- Vốn ngân sách tỉnh là : 123 tỷ 189 triệu đồng, chiếm 16%
- Vốn ngân sách địa phương là 173 tỷ 994 triệu đồng, chiếm 22,68%
- Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác là: 479 tỷ 462 triệu đồng, chiếm 62,51%
- Vốn cộng đồng dân cư góp bằng nhiều hình thức là: 66 tỷ 157 triệu đồng, chiếm 8,62%

IV. Kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 13/13 xã đạt 100%. Trong đó, có 03 xã công nhận giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời có đăng ký xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, đến nay có 03/03 xã đạt 20/20 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và 10 xã công nhận giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Xã Nhị Long Phú đạt 20/20 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020.

+ Xã An Trường đạt 20/20 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020.

+ Xã Tân Bình đạt 20/20 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020.

+ Xã Mỹ Cẩm đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2016.

+ Xã Đức Mỹ đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2017.

+ Xã Đại Phước đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2018.

+ Xã An Trường A đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2019.

+ Xã Phương Thạnh đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2019.

+ Xã Đại Phúc đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2019.

+ Xã Tân An đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2019.

+ Xã Nhị Long đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2020.

+ Xã Bình Phú đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2020.

+ Xã Huyền Hội đạt 19/19 tiêu chí, đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2020.

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

- Về quy hoạch chung xây dựng xã:

Công tác lập quy hoạch chung xã nông thôn mới năm 2011 có 01/13 xã đạt: xã Nhị Long Phú; Năm 2012, có 07/13 xã đạt (xã Tân Bình, An Trường, Mỹ Cẩm, Tân An, Bình Phú, Đức Mỹ, Nhị Long); Năm 2013, có thêm 05 xã đạt (xã Huyền Hội, An Trường A, Phương Thạnh, Đại Phúc, Đại Phước), nâng tổng số 13/13 xã trên địa bàn huyện có quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt theo Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng và Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-NNPTNT-BTNMT của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường và trên cơ sở quy hoạch được duyệt địa phương đã thực hiện quản lý theo quy hoạch.

Hiện nay, huyện đã tập trung chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng, đến thời điểm này 13/13 xã đã hoàn thành công tác điều chỉnh quy hoạch

chung xây dựng và được UBND huyện phê duyệt quy hoạch, quy chế quản lý. Ủy ban nhân dân các xã tổ chức hội nghị triển khai quy hoạch và công bố quy hoạch rộng rãi để Nhân dân biết và thực hiện theo quy định.

- *Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 -2020.*

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn là tiền đề phát triển các lĩnh vực, tạo ra diện mạo mới, sức sống mới khởi sắc cho bộ mặt nông thôn. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ là yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế của huyện phát triển, đặc biệt là góp phần thực hiện tốt chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh trên thị trường. Xác định được ý nghĩa đó, bằng sự tập trung ưu tiên về nguồn lực, huyện đã đầu tư cơ sở hạ tầng đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể:

2.2.1. Về giao thông:

- Năm 2011 hệ thống giao thông nông thôn của huyện rất khó khăn trong việc đi lại, mua bán, phần lớn các đường về trung tâm các xã quy mô 3,5m nhựa, đường liên ấp đa số đường đal 1,5 – 2m, đường trục chính nội đồng chủ yếu đường đất, nhỏ; năm 2011 chưa xã đạt. Với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Kết quả đã xây dựng 13 tuyến đường liên xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện dài 158,7km được nhựa hóa đạt 100% quy mô đạt chuẩn (trong đó, đường huyện 09 tuyến, dài 131,160km, đường xã 04 tuyến, dài 27,540km); xây dựng 147 tuyến đường có ô tô đi đến trung tâm xã, đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa 198,800/273,428 km, đạt 72,7%; xây dựng 341 tuyến đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa 177,800/263,486km quy mô đường 2m, nhựa 2,5m, đạt 67.5%; xây dựng 56 tuyến đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 127,700/180,214 km, đạt trên 70%; xây dựng 118 cây cầu bê tông cốt thép và nhiều tuyến đường đalan ngõ xóm đảm bảo cho Nhân dân đi lại thuận tiện, không còn đường lầy lội vào mùa mưa. Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện, so với thời điểm triển khai xây dựng nông thôn mới 2011 đã đáp ứng 100% nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân.

- *Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

2.2.2. Về thủy lợi:

- Những năm trước 2011, toàn huyện có nhiều công trình thủy lợi xây dựng từ lâu đã xuống cấp; nhiều công, bọng được qua thời gian dài sử dụng đã

hư hỏng, xuống cấp, công ngăn so với mặt cắt đê, bờ bao. Một số kênh tưới, tiêu bị bồi lấp nhiều trong khi việc nạo vét còn hạn chế khiến năng lực phục vụ của hệ thống còn thấp so với yêu cầu. Cơ cấu cây trồng nói chung, giống lúa nói riêng đã có nhiều thay đổi, quy trình thâm canh cao, nên yêu cầu tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp ngày càng cao và điều kiện đảm bảo khắt khe hơn. Cơ cấu vùng sản xuất cũng có nhiều thay đổi, nhiều vùng trồng lúa kém hiệu quả được chuyển đổi sản xuất nên cũng đòi hỏi thay đổi về hệ thống thủy lợi.

- Trước tình hình trên Ban Chỉ đạo tổ chức triển khai toàn diện các nội dung chương trình xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện các nội dung của tiêu chí thủy lợi theo kế hoạch. Huyện được Trung ương, Tỉnh đầu tư đến nay Huyện có hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch. Các tuyến kênh trục chính, kênh sườn trên địa bàn huyện đều được thông tuyến và đấu nối với các hệ thống sông chính phù hợp với quy hoạch phục vụ cho sản xuất, toàn huyện, hiện nay toàn huyện có 543 tuyến kênh, dài 818.058 km, trong đó 22 kênh cấp 1, dài 162.013 km, 172 kênh cấp 2, dài 310.702 km, 349 kênh cấp 3 dài = 345.343m.

- Trên địa bàn huyện có 02 hệ thống công lớn được xây dựng kiên cố (Công Láng thế 10 cửa thuộc địa bàn xã Đại Phước và Công Cái hóp 07 cửa thuộc địa bàn xã Đức Mỹ, đây là 02 hệ thống công chính để ngăn nước mặn, trữ nước ngọt phục vụ sản xuất trên địa bàn toàn huyện.

- Hệ thống công, bọng: Toàn huyện hiện có 304 bọng, trong đó bọng Ø150 là 57 bọng; bọng Ø 100 = 125 bọng; bọng Ø 80 = 122 bọng; bọng Q60 = 33 bọng.

Công: có 34 công, trong đó công có bề rộng mặt cửa từ 70-100m có 02 công, công có bề rộng mặt cửa từ 2-5m có tổng cộng 32 công

- Hệ thống công của huyện được đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo chủ động nước tốt đảm bảo phục vụ tốt cho phòng chống thiên tai, ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt của nhân dân.

Các tuyến sông, kênh, rạch đều được xem xét lập kế hoạch nạo vét lại hàng năm đảm bảo tích đủ nước để phục vụ sản xuất.

- **Đánh giá:** 13/13 xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.

2.2.3. Điện nông thôn:

- Năm 2011 có 04 xã đạt tiêu chí 4 (xã An Trường, Mỹ Cẩm, Tân Bình và Nhị Long Phú), để tiếp tục triển khai, thực hiện tiêu chí trên địa bàn các xã, huyện chỉ đạo ngành chuyên môn, tích cực phối hợp, hỗ trợ ngành điện triển khai các dự án, công trình điện được đầu tư, xây dựng, nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống điện.

Đến nay lưới điện được phân phối đáp ứng cơ bản về yêu cầu kỹ thuật và được kết nối truyền dẫn liên xã, áp với tổng số có 333,765 km đường dây trung thế và 622,977km đường dây hạ thế và 602 trạm biến áp, dung lượng 46,637Kva do Công ty Điện lực Trà Vinh quản lý vận hành lưới điện trung, hạ, trạm biến

áp, Điện nông thôn Càng Long và Hợp tác xã điện Tiến Thành, Hợp tác xã điện An Trường quản lý vận hành lưới điện hạ áp. Lưới điện phân phối liên xã, đáp ứng thông số kỹ thuật quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và đảm bảo phục vụ sản xuất 100%. Đến nay tổng số hộ sử dụng điện là 36.338/36.538 hộ đạt 99,45% lệ hộ có điện đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân. Bên cạnh đó, thực hiện phong trào sáng - xanh - sạch - đẹp trong xây dựng nông thôn mới các xã còn vận động Nhân dân xây dựng hệ thống đèn đường chiếu sáng được 158 km, mắc 5.400 bóng đèn tiết kiệm điện công suất từ 20W - 30W trên các tuyến đường trục xã, trục ấp và những tuyến đường có đông dân cư sinh sống, góp phần giữ gìn an ninh trật tự xóm ấp, khu dân cư...

- Triển khai Dự án Cung cấp điện cho các hộ dân chưa có điện chủ yếu là đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Càng Long được triển khai 03 giai đoạn, với khối lượng: Đường dây trung áp 17,893 km; Đường dây hạ áp 108,279 km; Trạm biến áp/dung lượng 46/780 kVA; lắp đặt công tơ nhánh rẽ vào nhà cho 3.240 hộ dân. Nâng tổng số hộ sử dụng điện: Số hộ Khmer có điện đạt trên 98%; dự án khắc phục hộ cầu nối đuôi không an toàn cho hộ nghèo, cận nghèo thực hiện hoàn thành dự án xóa hộ cầu nối đuôi cho hộ nghèo, cận nghèo là 507 hộ nghèo và cận nghèo (ngân sách tỉnh) và 427 hộ (ngân sách ngành điện) trên địa bàn huyện.

- Đối với những hộ dân cách xa trục đường điện, UBND huyện chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với hai ngành điện (Điện lực, Điện nông thôn và hợp tác xã điện) và UBND các xã đã vận động Nhân dân đỡ trụ hoặc thay thế trụ gỗ tạp bằng gỗ chắc chắn để nâng cấp đường dây, mắc điện kế đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và hướng dẫn của Sở Công thương đảm bảo sử dụng điện an toàn.

- *Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 4 về Điện nông thôn, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

2.2.4. Về trường học:

- Năm 2011, toàn huyện có 11 trường có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, giai đoạn 2011 - 2020, toàn huyện đã huy động các nguồn vốn xây dựng mới và cải tạo 341 phòng học, 87 phòng chức năng, đầu tư trang thiết bị và 86 công trình phụ trợ như: Hàng rào, nhà xe, hệ thống thoát nước, sân đường, nhà vệ sinh... cùng với nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm nâng cấp, sửa chữa các phòng học ở các điểm trường. Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học là 228,4 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí đầu tư để đạt tiêu chí xã nông thôn mới và đầu tư nâng chất để đạt tiêu chí huyện nông thôn mới là 30,5 tỷ đồng. Đồng thời, đầu tư 05 trường Trung học phổ thông đạt chuẩn với kinh phí 53,58 tỷ đồng. Đến nay, số trường ở các xã trên địa bàn huyện có 42/50 trường học các cấp có cơ sở

vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Quốc gia, đạt 84%, so với năm 2011 tăng 31 trường đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất .

- **Đánh giá:** 13/13 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

2.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa:

- Trong những năm trước đây, cơ sở vật chất văn hóa, khu vui chơi, giải trí ở huyện Càng Long có nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân địa phương. Khi triển khai xây dựng nông thôn mới huyện xác định cơ sở vật chất văn hóa không thể thiếu cho sự phát triển về đời sống văn hóa tinh thần của người dân, đã đầu tư xây dựng 13 nhà văn hóa cấp xã quy mô từ 200 – 300 chỗ ngồi, các xã đều có 1 khu thể thao cho người già và trẻ em, 1 khu thể thao dành cho hoạt động thể thao toàn xã và có từ 1 đến 2 sân bóng chuyền, ngoài ra tư nhân đầu tư 5 sân cỏ nhân tạo và 2 hồ bơi. Có 111/111 ấp có nhà văn hóa quy mô từ 100 – 120 chỗ ngồi phục vụ cho nhu cầu vui chơi và sinh hoạt cộng đồng, so với năm 2011 tăng 111 nhà văn hóa; có khu thể thao đáp ứng cho nhu cầu thể dục, thể thao cho thanh niên và Nhân dân trong ấp;

- **Đánh giá:** 13/13 xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

- Năm 2011 huyện có 10 chợ tạm, những năm tiếp theo do nhu cầu mua bán của người dân. Toàn huyện hiện có 12 chợ, trong đó có 10 chợ xã và 02 chợ thị trấn Càng Long đạt tiêu chuẩn của Bộ Công thương đáp ứng yêu cầu mua bán của Nhân dân, mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển đều khắp; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 20%/năm. Đồng thời phối hợp với các ngành có liên quan hỗ trợ các doanh nghiệp tổ chức, kết nối cung cầu thị trường hàng nông, thủy sản ra ngoài tỉnh cho 15 cơ sở, doanh nghiệp và hỗ trợ trên 40 lượt cơ sở doanh nghiệp giới thiệu quảng bá thương hiệu để liên kết thị trường.

- Các chợ trên đều có thành lập Ban quản lý, có ban hành nội quy quản lý chợ (trong đó có 01 chợ chuyển đổi giao hợp tác xã quản lý, khai thác), có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp riêng theo từng khu vực, theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua; chợ có đầy đủ hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày. So với năm 2011 thì hiện nay 100% chợ nông thôn mới của huyện có hệ thống chợ được đầu tư khang trang đáp ứng nhu cầu thương mại cho Nhân dân.

Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 (trong đó có 03 xã Mỹ Cẩm, Tân Bình và Đại Phúc không có chợ theo quy hoạch)

2.2.7. Thông tin và truyền thông:

Hệ thống thông tin và truyền thông trước đây chưa được thông suốt đến các xã chưa đáp ứng nhu cầu trao đổi và nắm bắt thông tin, tổ chức, doanh nghiệp, đến năm 2011 chưa có xã nào đạt chuẩn.

Đến nay, trên địa bàn 13/13 xã có điểm phục vụ bưu chính đảm bảo việc tiếp nhận bưu phẩm gửi kịp thời đúng chỉ tiêu, toàn trình, phục vụ tốt sự chỉ đạo điều hành của địa phương nhu cầu tổ chức cá nhân trên địa bàn.

Hệ thống thông tin liên lạc 13/13 xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng 02 loại dịch vụ điện thoại (dịch vụ điện thoại cố định, dịch vụ thông tin di động) và có dịch vụ Internet về đến tất cả 111/111 ấp, đáp ứng tốt nhu cầu trao đổi thông tin, giải trí và chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp và nhu cầu của Nhân dân.

Đảm bảo 13/13 xã có Trạm truyền thanh và 100% số ấp đều có hệ thống loa hoạt động tốt, tiếp sóng phát thanh đảm bảo Nhân dân trên địa bàn thường xuyên được cập nhật chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các tin tức trên phương tiện thông tin đại chúng. Toàn huyện hiện có 138 cụm loa với 302 loa, tăng 86 cụm và 198 loa so với năm 2011.

Khu hành chính làm việc 13/13 xã có trang bị máy tính kết nối mạng LAN, mạng Internet cho các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, công chức phục vụ công việc. Cán bộ, bộ phận chuyên môn xã đều có tài khoản truy cập hệ thống quản lý điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh Trà Vinh để phục vụ công tác tiếp nhận, xử lý văn bản; thư điện tử công vụ (mail.travinh.gov.vn); phần mềm một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến (iGate), trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp và quản lý công văn, văn bản, hồ sơ công việc trên mạng iofice.

So với năm 2011 hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng của Nhân dân.

- **Đánh giá:** 13/13 xã tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

2.2.8. Nhà ở nông thôn:

- Những năm trước khi xây dựng nông thôn mới huyện Càng Long có nhiều hộ dân ở nhà tạm, dột nát, phần lớn huyện đồng đồng bào dân tộc Khmer, đời sống khó khăn, không đảm bảo về nhà ở, năm 2011 huyện còn 02 xã nghèo theo Quyết định Chính phủ;

- Triển khai tốt các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế đời sống người dân được tăng lên, điều kiện sống tốt hơn, hạ tầng nhà ở dân cư ngày càng được người dân đầu tư, xây mới khang trang đáp ứng cho đời sống sinh hoạt. Thực hiện tốt chương trình hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo theo quyết định 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015 và Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ) đến năm 2015 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định 167, Quyết định 33 của Thủ tướng Chính phủ; sửa chữa, xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng theo Quyết định 22 của Thủ tướng Chính phủ; vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm xây dựng nhà đồng đội và nhà đại đoàn kết từ quỹ vì người nghèo, Quỹ An sinh xã hội các cấp, đảm bảo 3 cứng; đồng thời vận động Nhân dân xây dựng nhà cơ bản đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Toàn huyện đến nay có **36.382 căn nhà**, trong đó nhà đạt chuẩn bộ xây dựng là 30.685 căn, chiếm tỷ lệ 84%, còn lại nhà chưa đạt chuẩn, huyện không còn nhà tạm, dột nát. Ước cuối năm 2020, toàn huyện có 32.000 căn nhà đạt chuẩn bộ xây dựng, chiếm tỷ lệ trên 85%;

- Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

2.3.1. Tổ chức sản xuất:

Là huyện thuần nông thu nhập chính của người dân dựa vào sản xuất nông nghiệp với hơn 75% dân số. Trong những năm qua đã tập trung xây dựng các mô hình sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích. Xuất phát từ điều kiện thực tiễn trên, năm 2016 huyện đã xây dựng kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất và giá trị để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp của huyện. Tổng giá trị sản xuất bình quân trên một hecta đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt bình quân 194 triệu/ha/ năm, tăng 74 triệu đồng/ha so với năm 2011 (năm 2011= 120 triệu đồng/ha). Trong đó, cây hàng năm 93,66 triệu đồng/ha/ năm (cây lúa 84 triệu đồng/ha, cây màu 145 triệu đồng/ha, cây khác 52 triệu đồng/ha), tăng 17,8 triệu đồng/ha so năm 2011 (cây lúa 79,2 triệu đồng/ha, cây màu 137 triệu đồng/ha, cây khác 47 triệu đồng/ha); Cây lâu năm 285,6 triệu đồng/ha, tăng 117,4 triệu đồng/ha so năm 2011 (cây ăn trái 168 triệu đồng/ha, cây dừa 34 triệu đồng/ha).

2.3.2. Sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:

- UBND huyện ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND, ngày 13 tháng 3 năm 2014 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện và định hướng đến năm 2020, đã tổ chức triển khai tập trung đẩy mạnh sản xuất theo hướng nâng cao giá trị trên cây lúa là sản phẩm chủ lực của huyện với diện tích sản xuất là 35.435 ha, sản lượng 200.397 tấn; hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên thị trường như: đẩy mạnh sản xuất lúa chất lượng cao, xây dựng cánh đồng lớn (xã An Trường A, Tân Bình, An Trường, Bình Phú, Phương Thạnh và Mỹ Cẩm) với diện tích 1.460,6 ha, các loại giống OM 5451, OM 4900. Lúa thuộc cánh đồng lớn cho năng suất bình quân đạt 7,2 tấn/ha, cao hơn 0,3 tấn/ha so với lúa thường; lợi nhuận bình quân cao hơn so với sản xuất lúa IR50404 khoảng 6 đến 8 triệu đồng/ha; xây dựng mô hình sản xuất lúa an toàn thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch sử dụng phân hữu cơ, phân bón thông minh, liên kết theo chuỗi giá trị gắn tiêu thụ sản phẩm (quy mô liên xã và do HTX dịch vụ nông nghiệp Huyện Hội thực hiện) trên địa bàn huyện trong năm 2018 -2019 sản xuất được trên 300 ha, năng suất bình quân của mô hình đạt từ 6,3 - 6,5 tấn/ha, giá bán cao hơn từ 250 - 300 đồng/kg so với sản xuất lúa sử dụng hoàn toàn bằng phân hóa học. Ngoài ra, để chủ động trong sản xuất, huyện đã ứng dụng công nghệ thông tin trong canh tác như đưa công nghệ tự động quan trắc ứng dụng phần mềm để theo dõi, quản lý độ mặn, có 03 trạm quan trắc được lắp đặt tại 3 địa điểm trên địa bàn huyện (Tại cầu 2 tháng 9 thuộc địa phận Thị trấn Càng Long, Tại cầu Tân An xã Tân An, Tại cầu Ba Si xã Phương Thạnh) qua đó chủ động trong khâu quản lý nước cũng như vận hành các cống, bọng để ngăn mặn, trữ ngọt kịp thời đã làm tăng hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, tăng lợi nhuận bình quân trên 01 ha từ 5 – 5,5 triệu đồng/ha.

Tập trung phát triển mô hình trồng chuyên màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây khác với diện tích 7.742 ha (xã Đức Mỹ, Nhị Long, Nhị Long Phú, Đại Phước, Phương Thạnh, Huyện Hội, An Trường, An Trường A, Bình Phú...) trong đó diện tích trồng màu chủ yếu là chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sản trồng màu khoảng 744 ha, chủ yếu trồng rau các loại, bắp, dưa leo, khổ qua, ớt, hành, dưa hấu, đậu các loại...

Trong quá trình canh tác sản xuất nông nghiệp, huyện tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình khuyến nông nhân rộng đã mang lại thu nhập từ bình quân đạt 125 triệu đồng/ha/năm, cao hơn so với năm 2011 từ 70 - 75 triệu đồng/ha. Như mô hình trồng cây màu dưới chân ruộng, mô hình trồng màu trong nhà lưới, tưới tiết kiệm nước, sản xuất lúa theo phương pháp “1 phải 5 giảm”..., ngoài ra còn nhiều mô hình chăn nuôi cũng đem lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình nuôi lợn không bùn cho lợi nhuận thu được khoản 100 triệu đồng/0,1 ha/01 vụ nuôi (5 tháng), mô hình nuôi cá chạch lấu, cá thác lác còm cũng cho lợi nhuận trung bình từ 160 triệu đồng/0,1 ha/ vụ nuôi (8 tháng)

Huyện tập trung chỉ đạo phát triển diện tích cũng như cải tạo lại vườn đừa già cỗi, toàn huyện diện tích đừa được trồng là 7.767 ha, thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp diện tích đừa của huyện đã được cải tạo, trồng mới

chăm sóc theo quy trình áp dụng khoa học cho năng suất cao, hiệu quả và giá trị thu nhập bình quân trên đơn vị diện tích 65 triệu đồng/ha, cao hơn từ 20 - 30 triệu đồng/ha so với năm 2011; cây ăn trái cũng chiếm phần quan trọng trong việc tăng thu nhập của nông dân, toàn huyện diện tích trồng cây ăn trái khoảng 5.655 ha, với các loại như cây bưởi da xanh, quýt đường, cam sành; cây thanh long ruột đỏ, xoài, mít...., Trong đó cây thanh long ruột đỏ và bưởi da xanh là hai đối tượng cây ăn trái được người dân mạnh dạn chuyển đổi từ đất kém hiệu quả sang đầu tư sản xuất mang giá trị cao trên một đơn vị canh tác, diện tích bưởi da xanh toàn huyện hiện có trên 200 ha và đã thành lập được hợp tác xã chuyên về trồng và tiêu thụ bưởi da xanh, diện tích trồng cây bưởi da xanh của HTX là 22 ha, có 42 hộ tham gia và sản phẩm bưởi đã được chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP (xã Đại Phúc). Qua quá trình chuyển đổi tập trung sản xuất theo kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị đã đem lại thu nhập bình quân 01 ha cây ăn trái khoảng 280 triệu đồng/ha.

- Chăn nuôi phát triển theo hướng trang trại, gia trại tập trung quy mô vừa và nhỏ. Tổng đàn gia súc ước 101.400 con, tăng 5,4% so năm 2011 (95.925 con), đàn gia cầm ước 2.220.000 con, tăng 67 % so năm 2011 (1.487.000 con). Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện phát triển khá mạnh. Toàn huyện thả nuôi với diện tích 1.084 ha, sản lượng 6.350 tấn, với các đối tượng thả nuôi có giá trị kinh tế cao như: Cá tra, cá lóc, cá thác lác cườm, lươn, ếch, cá sặc rằn, tôm càng xanh....,

2.3.3. Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp từng bước được đổi mới, hiện đại:

- Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Kết luận số 56-KL/TW, ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) “*về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*” và các Kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy “*về xây dựng và phát triển kinh tế tập thể*”. Kinh tế tập thể của huyện đã có những chuyển biến tích cực cả về số lượng, chất lượng, hoạt động đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực. Vốn góp cổ phần của HTX thành lập mới cao hơn so với nhiều năm trước, trách nhiệm và quyền lợi của thành viên trong tham gia quản lý điều hành HTX được đảm bảo. Các HTX nông nghiệp có chiều hướng phát triển đa ngành nghề, kinh doanh tổng hợp nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu thành viên. Đời sống của thành viên HTX và người lao động được tăng lên so với nhiều năm trước. Xu thế hợp tác liên kết giữa các HTX với các cơ quan nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tiếp tục mở rộng,... kinh tế tập thể từng bước khẳng định được vai trò quan trọng và là nhân tố tích cực góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

Năm 2011 toàn huyện có 11 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; cùng với việc đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh; hỗ trợ củng cố, nâng

cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, nhất là các hợp tác xã tham gia thí điểm theo Quyết định 445 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại trên địa bàn huyện có 17 HTX đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (trải đều trên 14 xã thị trấn của huyện) theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 (trên cơ sở hoạt động 6 tháng đầu năm, dự kiến năm 2020 đánh giá phân loại HTX như sau: 06 HTX hoạt động khá; 11 HTX hoạt động trung bình) với 1.632 thành viên, vốn điều lệ 7,12 tỷ đồng, tăng 6 HTX so với năm 2011. Doanh thu bình quân của 01 HTX lĩnh vực nông nghiệp là 270 triệu đồng; lao động làm việc thường xuyên cho 90 lao động; thu nhập bình quân của 01 lao động 3-3,5 triệu đồng/tháng, Bên cạnh đó, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đối với hợp tác xã, đã hỗ trợ cho 17 HTX với số tiền 3,36 tỷ đồng. Trong đó, hỗ trợ thành lập hợp tác xã, số tiền 390 triệu đồng, hỗ trợ người lao động về làm việc tại các HTX số lượng 31 người, số tiền 9,97 tỷ đồng. Tình hình hoạt động của các hợp tác xã đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động, các hợp tác xã đã từng bước ký kết được các hợp đồng hợp tác làm cầu nối giữa doanh nghiệp và xã viên, thể hiện đúng vai trò liên kết theo chuỗi giá trị; tuy bước đầu thành lập có số lượng thành viên ít, hoạt động đạt kết quả chưa như mong đợi của thành viên nhưng cũng đã tạo được lòng tin trong các thành viên và có sức lan tỏa ra bên ngoài nhất là người nông dân, từ đó ngày càng có nhiều người tham gia góp vốn vào hợp tác xã. Các hợp tác xã đều được thành lập và chuyển đổi hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có tổ chức bộ máy cụ thể, phân công, phân nhiệm rõ ràng, được hỗ trợ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kế toán hợp tác xã; xây dựng điều lệ hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ của hợp tác xã.

- Về chăn nuôi: Trước 2010 các hộ chăn nuôi chủ yếu nuôi nhỏ lẻ theo quy mô gia đình, từ khi xây dựng nông thôn mới thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong đó có ngành chăn nuôi, huyện đã có nhiều mô hình chăn nuôi theo hình thức trang trại (nuôi gà, heo, bò), thực hiện quy trình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học và phòng, chống tốt với các dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm. Hiện nay các mô hình này tiếp tục được duy trì và phát triển, hoạt động hiệu quả mang lại lợi nhuận hàng năm từ 120 – 320 triệu đồng/01 mô hình, quy mô và giá trị mang lại gấp nhiều lần so với hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ.

2.3.4. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ:

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ước đạt 920 tỷ đồng, tăng 1.972 tỷ đồng so năm 2011. Huyện có hơn 1.502 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm cho hơn 8.000 lao động.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2019 ước đạt 3.771 tỷ đồng, tăng 3321 tỷ đồng so năm 2011. Hệ thống các chợ nông thôn ở các xã đáp ứng khá tốt nhu cầu trao đổi, mua sắm hàng hóa của người dân. Mặt khác, huyện đã phối hợp Sở Công thương tổ chức nhiều phiên chợ Hàng Việt về nông thôn để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với hàng Việt

Nam chất lượng cao, giá cả hợp lý. Đồng thời, thực hiện tốt quản lý thị trường, tăng cường chức năng quản lý Nhà nước về chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ lợi người tiêu dùng.

2.3.5. Thu nhập:

Năm 2011 đời sống người dân còn nhiều khó khăn, sản xuất không đạt chất lượng, khả năng cạnh tranh không đảm bảo, tiêu chí thu nhập không đạt. Khi triển khai xây dựng nông thôn mới nhiều chính sách, tham quan học tập kinh nghiệm phục vụ sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và phát triển bền vững; mở rộng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng các loại giống có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, xây dựng cánh đồng lớn, sản xuất lúa chất lượng cao, cải tạo vườn tạp, chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao như: cam sành, bưởi da xanh, lát, thanh long ruột đỏ,.. góp phần tăng thu nhập cho người dân. Ngoài ra thực hiện đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm bình chọn 2 sản phẩm: thảm sơ dừa và bánh ống. Đồng thời thực hiện và công nhận VIETGAP cho lĩnh vực cây ăn trái... từ đó thu nhập bình quân đầu người của 13 xã năm 2019 đạt 48,13 triệu đồng/người/năm, tăng 29,62 triệu đồng/người/năm so năm 2011 (18,51 triệu đồng/người/năm).

- **Đánh giá:** 13/13 xã đạt tiêu chí số 10 về *Thu nhập và tiêu chí 13 về Hình thức sản xuất theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

2.3.6. Hộ nghèo:

Trước khi xây dựng nông thôn mới tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện rất cao; Năm 2010 tổng số hộ nghèo 5.725/37.955 hộ chiếm tỷ lệ 15,09%, chưa có xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Cùng với việc phát triển sản xuất, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, các chính sách đối với đồng bào dân tộc, chính sách giảm nghèo hỗ trợ kịp thời cho người dân đến nay tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện 710/40.972 hộ chiếm tỷ lệ 1,73%, giảm so với năm 2010 là 5.015 hộ nghèo, tỷ lệ 13,36%. Dự kiến kết quả rà soát hộ nghèo cuối năm 2020 giảm 0,67%, tổng số hộ nghèo còn lại 1,06%.

- **Đánh giá:** 13/13 xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Hộ nghèo, theo *Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

2.3.7. Lao động việc làm:

Trước khi thực hiện xây dựng nông thôn mới tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo rất thấp cụ thể năm 2011 có 34.254/83.648 lao động trong độ tuổi lao động có việc làm chiếm tỷ lệ 40,95%. Thực hiện tốt công tác liên kết, tư vấn và giới thiệu việc làm cho người lao động ở địa phương đến làm việc tại các

doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động, đặc biệt là các hoạt động sản xuất ở địa phương. Đến nay trên địa bàn huyện có 42.770/75.694 lao động trong độ tuổi lao động có việc làm, đạt tỷ lệ 56,50% so năm 2011 tăng 15,55%.

- **Đánh giá:** 13/13 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường:

Các nội dung về văn hóa, giáo dục, y tế và công tác bảo vệ môi trường luôn được UBND huyện xác định là quan trọng và cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đặc biệt là trong công tác xây dựng nông thôn mới:

2.4.1. Giáo dục và Đào tạo:

- Năm 2011, toàn huyện chưa có xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; có 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 1; phổ cập giáo dục THCS mức độ 1; phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 1; có 1.660/1.862 học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông, học bổ túc và học nghề đạt tỷ lệ 89,2%;

- Khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện ngày càng được củng cố. Giáo dục mầm non từng năm đều được nâng lên, 100% trẻ em 06 tuổi vào lớp một, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học. Công tác phổ cập giáo dục các cấp học được quan tâm chỉ đạo và duy trì vững chắc tạo điều kiện tốt nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Có 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Năm học 2018-2019, học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học 2.110/2.110, đạt 100%; có 1.848/1.858 học sinh được công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 99,5% trong này có 1.789/1.848 học sinh tiếp tục học Trung học phổ thông, học bổ túc và học nghề ở năm học 2019 – 2020, đạt tỷ lệ 96,8%; so với năm 2011 tỷ lệ học sinh Trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông, học bổ túc và học nghề tăng 7,6%.

* **Đánh giá:** 13/13 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

2.4.2. Về Y tế:

- Trước khi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, xã, thị trấn xây dựng kế hoạch phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho nhóm đối tượng tham gia. Tuy nhiên tỷ lệ người dân tham

gia bảo hiểm y tế so với dân số trước năm 2013 đạt lý lẽ rất thấp, dưới 75%, cụ thể là năm 2012, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế chỉ đạt 62,39% so với dân số toàn huyện, năm 2013 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế chỉ đạt 73,5% so với dân số toàn huyện. Các nhóm đối tượng được cấp thẻ chủ yếu là hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội...; còn lại nhóm đối tượng tự đóng tham gia rất thấp chiếm 30,57%, nhóm học sinh chiếm 52,88%, trong đó có 01 xã: Phương Thạnh (83,20%) đạt tiêu chí theo quy định, nguyên nhân xã thực hiện theo Nghị quyết số 30a/2008/CP ngày 27/12/2008 của Chính Phủ “*về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với huyện nghèo*”, các xã còn lại đạt tỷ lệ rất thấp có xã dưới 50% dân số tham gia.

- Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Bảo hiểm y tế toàn dân, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên gắn với nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện từng tiêu chí.

Việc thành lập Ban chỉ đạo, việc triển khai thực hiện các chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đã là cho tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm tăng lên đáng kể theo từng năm. Năm 2011, toàn huyện chỉ có 40,57% dân số tham gia bảo hiểm y tế (58.190/143.428 người), đến tháng 12/2019 tổng số người tham gia bảo hiểm y tế là 88,10% tổng số dân trên địa bàn huyện, ước đến cuối năm 2020 số người tham gia đạt 88,14%.

- Trước năm 2010 Trung tâm Y tế huyện Càng Long đã triển khai thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định số 370/2002/QĐ-BYT ngày 7 tháng 2 năm 2002 của Bộ Y tế về việc ban hành chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010. Qua triển khai thực hiện có 13/14 Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Chất lượng khám chữa bệnh tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng. Từ năm 2011 đến nay, có 11/13 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT của Bộ Y tế và các xã đều duy trì Trạm Y tế đạt chuẩn sau kiểm tra hàng năm. (Trạm Y tế thị trấn Càng Long giải thể theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh)

- Chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tiếp tục được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn đạt chỉ tiêu, thực hiện tốt công tác phòng chống suy dinh dưỡng tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thấp còi toàn huyện đến năm 2020 là 1.444/10.533 em, chiếm tỷ lệ 13,71%.

* **Đánh giá:** 13/13 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

2.4.3. Về Văn hóa:

- Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện được phát huy hiệu quả, đời sống văn hóa tinh thần của người dân được chăm lo. Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng nếp sống văn minh, văn hóa cộng đồng được chú trọng, chất lượng gia đình văn hóa, ấp, xã văn hóa nông thôn mới từng bước được nâng lên, đời sống tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện, 100% ấp đã hoàn thành xây dựng và triển khai thực hiện tốt các tiêu chuẩn quy ước phù hợp với thực tế của từng địa phương. Các phong trào lao động sáng tạo, nêu gương người tốt, việc tốt, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội được quan tâm. Phong trào văn hóa, văn nghệ và thể thao thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hoá cộng đồng, hội diễn, hội thi văn nghệ, hát đàn ca tài tử và các môn thi đấu thể thao, như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... thu hút đông đảo người dân địa phương tham gia, nhất là các ngày lễ, hội lớn hàng năm. Đến nay số lượng người tham gia các hoạt động Văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao thường xuyên có 3.754 người. Có 1 đội múa sa dăm, 3 đội ngũ âm, 1 cơ sở đóng nhạc cụ Khmer, 2 cơ sở đóng đàn guitar, 1 đội ghe ngo nhiều năm đại diện tỉnh đi thi đấu khu vực đạt thành tích cao. Đối với các chùa Khmer trong huyện có sân bóng chuyền hàng năm tổ chức giải bóng chuyền nhân dịp Donta cho thanh niên dân tộc và tuyển chọn vận động viên tham gia thi đấu cấp tỉnh nhân dịp ok om bok tại Ao Bà Om.

- Đặc biệt, toàn huyện có 10.306 người dân tộc Khmer, chiếm 6,97% dân số chung của huyện. Đời sống văn hóa của đồng bào Khmer trên địa bàn huyện cũng đa dạng và phong phú, trong những năm qua, đồng bào Khmer trên địa bàn huyện đã cùng nhau chung sức xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển kinh tế, giảm nghèo cùng với sự đầu tư hỗ trợ của nhà nước góp phần làm cho đời sống kinh tế trong đồng bào dân tộc Khmer ngày một nâng lên. Cụ thể năm 2011 tổng số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer là 1.021 hộ, chiếm tỷ lệ 41,14% so tổng hộ dân tộc thiểu số, nhưng đến cuối năm 2019 tổng số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc đã giảm xuống hiện còn 325 hộ, tỷ lệ 12,38 % so với tổng số hộ trong đồng bào dân tộc thiểu số. Từ khi triển khai xây dựng nông thôn mới đến nay số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc giảm 865 hộ, tương đương tỷ lệ giảm 35,2 % so năm 2011. Trong cộng đồng dân tộc Khmer họ sống sum vầy trong các phun, sóc với nhiều hoạt động văn hóa, tinh thần phong phú giàu bản sắc dân tộc đặc trưng của người dân tộc như: tết cổ truyền Chôl - Thnăm – Thmây diễn ra vào giữa tháng 4 âm lịch với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ phong phú diễn ra, đặc biệt là lễ hội múa “*Sa Dam và hát Rằm*” trong văn hóa của dân tộc Khmer là để cầu chúc năm mới may mắn, cầu mong sự bình yên, năm mới làm ăn được mùa; lễ cúng giỗ ông, bà còn gọi là Senl - Dôl - Ta, với nhiều hoạt động thăm hỏi và các hoạt động ca múa mang đậm chất dân tộc và kết thúc bằng lễ cúng chùa; ngày hội Ok - Om –Bok diễn ra khoảng giữa tháng 10 âm lịch, với nhiều hoạt động văn hóa, thể thao mang đậm bản sắc dân tộc Khmer như: lễ cúng trăng, thả hoa đăng - đèn nước, tổ chức các trò chơi dân gian, giải bóng chuyền dân tộc tại các chùa Khmer trong địa bàn huyện,... Trong đời sống tinh thần của dân tộc

Khmer gắn liền những ngôi chùa cổ kính nhưng đầy tín ngưỡng, toàn huyện có 4 chùa phật giáo Nam Tông trong đó có 2 chùa được công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia được xây dựng khang trang, được trang trí với nhiều hoa văn mang đậm nét đặc sắc văn hóa dân tộc, được làm từ những nghệ nhân khéo léo, đây là đặc trưng riêng sẵn có của dân tộc Khmer; trong đời sống sinh hoạt và tâm linh người đã khuất được đem đi hỏa táng, toàn huyện có 04 lò hỏa táng trong cộng đồng người dân tộc, vị trí đặt ngay trong khuôn viên chùa nhưng ở khu riêng biệt, lò hỏa táng được xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước và tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường.

- Trong phát triển xây dựng nếp sống văn hóa - nông thôn mới: Toàn huyện có 33.330/35.839 hộ gia đình văn hóa - nông thôn mới, chiếm 93% số hộ gia đình văn hóa nông thôn mới ở nông thôn; tổng số 95/111 ấp đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 85,58% theo Quyết định 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành tiêu chuẩn “Ấp văn hóa, Ấp nông thôn mới” “gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, tăng 48 ấp văn hóa, ấp nông thôn mới so với năm 2016; có 13/13 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 100%, tăng 11 xã văn hóa nông thôn mới so với năm 2011.

Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

2.4.4. Về môi trường:

- Khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới, tình hình về môi trường nông thôn còn nhiều hạn chế kể cả sử dụng nước sạch, vệ sinh, cảnh quang, an toàn thực phẩm, thể hiện cụ thể năm 2010, 2011 trên địa bàn chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Toàn huyện có 16 trạm cấp nước tập trung, công suất nhà máy nước đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn huyện. Đến thời điểm hiện tại, toàn huyện có 32.280/32.429 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 99%. Trong đó, hộ sử dụng nước sạch từ các trạm nước tập trung 28.831/32.429 đạt 88% và tăng 2.770 hộ so năm 2011 (26.061 hộ).

- Về tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:

+ Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền vận động tất cả các cơ sở sản xuất, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đều đảm bảo vệ sinh, đảm bảo quy định về môi trường, không có cơ sở nào gây ô nhiễm môi trường.

+ Về cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ: từ trước đến nay huyện đã xác nhận và ủy quyền xác nhận cho cấp xã các hồ sơ môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hộ chăn nuôi, kết quả có khoảng 1.317 hồ sơ môi trường được xác nhận đăng ký, đạt 100%

+ Về bảo vệ môi trường làng nghề: ở Đức Mỹ có 01 làng nghề, có phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định và được UBND huyện phê duyệt năm 2018. Các xã đều có quy ước/hương ước bảo vệ môi trường cho các ấp.

+ Về bảo vệ môi trường của các khu, cụm công nghiệp: huyện Càng Long chưa có khu, cụm công nghiệp nào vào hoạt động (dự kiến trong thời gian tới sẽ hình thành 1 khu công nghiệp Cổ chiên 200 ha và 1 cụm công nghiệp xã Tân Bình 25ha).

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ có tác động đến môi trường đều có các biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) đúng quy định; thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, đạt tỷ lệ 100%, so năm 2011 chỉ có 9,5% có cam kết bảo vệ môi trường. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu là nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản của huyện nước thải nuôi trồng thủy sản được xử lý qua ao lắng và dùng chất khử trùng diệt khuẩn trước khi thải ra môi trường.

+ Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp trên địa bàn huyện: đối với bao bì, chai lọ chứa hóa chất bảo vệ thực vật đã qua sử dụng, hiện nay huyện có thực hiện dự án bể thu gom chất thải nguy hại đồng ruộng với 340 bể chứa, trong đó còn khoảng 320 bể đang sử dụng được, từ năm 2018 đến nay triển khai phân loại, thu gom, xử lý được 3 lần với khoảng 500kg. Huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng, các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân thải bỏ, xử lý chất thải này đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và theo quyết định của UBND tỉnh. Chất thải rắn từ canh tác, thu hoạch mùa màng: bao gồm rơm, rạ, phụ phẩm nông nghiệp... được sử dụng làm thức ăn cho trâu bò hoặc rơm rạ được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cày lật đất, tự phân hủy. Như vậy chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%.

- Nghĩa trang nhân dân: Có 01 nghĩa trang nhân dân liên xã An Trường-Tân Bình-Tân An, được quản lý và sử dụng đúng quy định. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có nghĩa trang liệt sĩ huyện, các nhà hỏa táng của đồng bào dân tộc Khmer và các đất thánh của đồng bào công giáo. Các xã còn lại có quy hoạch nghĩa trang theo quy định.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Cụ thể:

+ Về ban hành đề án thu gom, quản lý chất thải rắn: Đã xây dựng đề án giai đoạn 2017-2019 được phê duyệt tại Quyết định 9194/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Càng Long, tuy nhiên đã hết hạn thực hiện và đã gia hạn 02 lần, hiện nay đang hoàn thiện xây dựng lại đề án mới giai đoạn 2021-2023 và đã trình phê duyệt.

+ Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt: lượng rác thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện vào khoảng 14 tấn/ngày được đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý tại bãi rác huyện diện tích 1,4ha đã được phê duyệt Đánh giá tác động môi trường. Đơn vị thầu: công ty TNHH MTV Xây dựng Sơn Trung Thành bố trí trên dưới 500 thùng chứa rác khắp các tuyến đường, trục lộ chính và có xe thu gom rác chuyên dụng để thu gom đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, thu gom rác thải trên địa bàn huyện, tháng 9/2020 huyện nhận thêm 399 thùng chứa rác 240L từ Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ; Các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom thì thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng dẫn của chính quyền địa phương, xử lý qua thùng ủ hữu cơ làm phân compost do huyện đầu tư từ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm hoặc do tỉnh hỗ trợ (hơn 1.200 thùng và phát huy hiệu quả), không có đổ chất thải trực tiếp ra đường, ao hồ, kênh rạch,.... Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 98% và nông thôn hàng năm đạt 95%. Đối với Bãi chôn lấp rác của huyện: đã vun vén lên cao 5,6-6 mét, hiện nay sắp đầy, chuẩn bị phủ lưới lên bề mặt hạn chế rác bay xung quanh ruộng người dân. Nước rỉ rác tại hồ lắng xử lý bằng vôi bột, thả lục bình và sử dụng bơm điện bơm hoàn lưu lên tưới bãi rác thúc đẩy quá trình phân hủy rác sau khi vun vén. Đơn vị thu gom, xử lý rác thải hàng năm có thực hiện báo cáo giám sát môi trường định kỳ. Thường xuyên phun xịt chế phẩm sinh học khử mùi, diệt ruồi tại bãi rác 02 lần/tuần. Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt được Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ đầu tư từ năm 2016 lò đốt công suất 330kg/giờ, công suất đốt thực tế hiện nay khoảng 2 tấn/ngày, có 02 công nhân vận hành lò đốt đúng quy trình, khói thải từ lò đốt đạt quy chuẩn hiện hành.

+ Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn huyện: Các loại chất thải rắn xây dựng phát sinh từ các công trình, dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ gia đình đều được thu gom tái chế, tái sử dụng hoặc gom vào thùng chứa rác đúng quy định.

+ Tình hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn huyện: Tỷ lệ xử lý đạt 100% đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế. Đối với các cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại đều có đăng ký sở chủ nguồn chất thải nguy hại và có thiết bị, nơi lưu chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định. Đối với chất thải rắn y tế các cơ sở y tế, trạm y tế, trung tâm y tế đều có hợp đồng xử lý theo phương án của tỉnh tại Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 điều chỉnh bổ sung mục 2 và phụ lục 3 của Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh kèm theo Quyết định 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 (tại Bệnh viện Sản Nhi, Địa chỉ: Ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), đạt 100% lượng chất thải y tế. Nước thải y tế, trung tâm y tế huyện có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn công suất 100 m³/ngày đêm. Đối với trạm y tế các xã đang chờ tỉnh hoặc các nhà đầu tư đầu tư (riêng trạm y tế xã

Đại Phúc được đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế cơ bản). Hàng năm thực hiện nghiêm túc chế độ quan trắc định kỳ, chế độ báo cáo theo quy định hiện hành.

- Thực hiện nề nếp sinh hoạt theo chuẩn văn hóa nông thôn mới, đến nay tỷ lệ hộ có hố xí - nhà tắm hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn 13 xã nông thôn mới tổng số hộ gia đình có hố xí - nhà tắm hợp vệ sinh 26.883/32.429 hộ, đạt 82% (nhà tắm và hố xí được xây dựng chung trong cùng một khu).

- Đối với các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc tập trung: có thực hiện hồ sơ môi trường đầy đủ, có công trình biện pháp xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định. Toàn huyện có 10.288 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh, đạt 91,75% tổng số hộ chăn nuôi các xã nông thôn mới. Có 03 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đã lập hồ sơ môi trường được xác nhận và có công trình, biện pháp xử lý chất thải. Về tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Trong chăn nuôi thường xuyên làm tốt công tác vận động tuyên truyền cho hộ chăn nuôi có ý thức bảo vệ môi trường, phát các tờ rơi hướng dẫn xử lý rác thải trong chăn nuôi cũng như tập huấn phương pháp xây dựng hầm biogas đảm bảo vệ sinh môi trường. Cơ sở chăn nuôi đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của Luật thú y. Chuồng trại đảm bảo vệ sinh, chất thải chăn nuôi cơ bản được thu gom xử lý theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Toàn huyện có 12.627 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh, đạt 91.7% tổng số hộ chăn nuôi các xã nông thôn mới. So với năm 2011 (4.487hộ) chỉ đạt 35% hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, tăng 56.7%.

- Về tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. UBND huyện thường xuyên quán triệt và xây dựng các Kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh về an toàn thực phẩm; công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên; Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm huyện, xã hoạt động có hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết. Từ năm 2018 đến nay trên địa bàn huyện chưa xảy ra ngộ độc thực phẩm ở công ty, doanh nghiệp. Hiện nay 13/13 xã nông thôn mới có tổng số 8.798 các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

- Cơ quan, Trường học, Xí nghiệp trên địa bàn các xã nông thôn mới đều đảm bảo xanh - sạch - đẹp và được công nhận cơ quan văn hoá đạt 100%. Về xây dựng cảnh quang, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Từ năm 2017 đến nay thực hiện Chỉ thị số 15, Chỉ thị số 48 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01 của UBND tỉnh, hệ thống cây xanh trên địa bàn phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo cảnh quan cũng như cải thiện môi trường không khí, đặc biệt tại trụ sở, các trường học, các tuyến đường giao thông ... Các tuyến đường làng, ngõ xóm, kênh mương, ao hồ và các khu vực công cộng được vệ sinh môi trường thường xuyên được dọn sạch sẽ thông qua các phong trào "thứ

bảy tình nguyện”, “*chủ nhật xanh*” của các xã, thị trấn; phong trào “*5 không 3 sạch*”, “*tuyến đường hoa*” của Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, “*câu lạc bộ bảo vệ môi trường*” của Hội Cựu Chiến binh; 100% số xã đạt chỉ tiêu đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh, sạch, đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường. Toàn huyện xây dựng 54 tuyến đường sáng- xanh - sạch - đẹp, dài gần 105 km, trồng các loại cây như: mít nai, chiều tím, hoàng yến..... trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và dọc các tuyến đường giao thông nông thôn đã hình thành nên những tuyến đường hoa, tạo vẻ mỹ quan cho xã nông thôn mới. Thực hiện Chương trình “*thấp sáng đường quê*”, nhìn chung 100% tỉnh lộ, hương lộ, đường liên ấp đều xây dựng đèn đường tích hợp treo cờ Tổ quốc, thực hiện phương châm xã hội hóa với khẩu hiệu: “*Hoa nở về ngày, đường sáng về đêm*”. Kết quả đã xây dựng 181 Km, với 5.490 trụ đèn, kinh phí 4,5 tỷ đồng.

* *Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội và giữ gìn an ninh trật tự:

Hệ thống chính trị ở cấp xã và các khu dân cư thường xuyên được huyện chỉ đạo củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng. Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các nội dung về quốc phòng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được UBND huyện chỉ đạo tới các đơn vị có thẩm quyền triển khai thực hiện.

2.5.1. Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

- Trước năm 2011 số lượng cán bộ, công chức các xã đủ theo quy định, nhưng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ. Đến nay tổng số cán bộ, công chức của 13/13 xã đều đạt chuẩn theo quy định về số lượng, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo hoàn thành hiệu quả công việc trong giai đoạn hiện nay.

- 13/13 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định gồm: Đảng cơ sở; Nhà nước; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Hội Phụ nữ; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn.

- Đảng bộ xã cuối năm 2019 qua kiểm tra đánh giá xếp loại có 08/13 xã “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”; 5/13 xã “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*”; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu “*Chính quyền cơ sở vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ*”.

- Cuối năm 2019, qua đánh giá 13/13 xã các tổ chức chính trị - xã hội đều được cơ quan cấp trên công nhận đạt loại khá trở lên.

- Qua kiểm tra đánh giá cuối năm 2019, 13/13 xã nông thôn mới đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm, đảm bảo: 13/13 xã có tỷ lệ nữ tham gia Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ đạt trên 15%, 13/13 xã có quy hoạch lãnh đạo chủ chốt là nữ; 13/13 xã có phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình, vốn ngân hàng chính sách.

- 100% các xã đầu năm Đảng ủy – Hội đồng nhân dân có xây dựng Nghị quyết và Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch xây dựng Nông thôn mới.

- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi tham gia tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp đạt trên 86%.

Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

2.5.2. Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh:

- 13/13 xã có đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy Quân sự cấp xã được tổ chức biên chế theo quy định. Các Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng được đào tạo từ trung cấp chuyên nghiệp Quân sự trở lên; hằng năm xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ tham gia tập huấn, huấn luyện bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo đúng và hoàn thành. Các xã đều được bố trí phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, phòng nghỉ cho dân quân trực thường xuyên cũng như khi tập trung trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các ngày lễ, tết, bảo đảm trang thiết bị cho dân quân trực đúng theo quy định. Hằng năm tổ chức đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi Dân quân, phát triển mới và xây dựng LL DQ bảo đảm chất lượng, biên chế đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân tự vệ. Tính đến nay DQTV toàn huyện đạt 1,25% so với dân số, Đảng viên chiếm 21,59% so với quân số. Có 100% Chi bộ Quân sự có Chi ủy và 100% Tiểu đội trưởng và Trung đội trưởng, ấp đội trưởng là đảng viên.

- Hằng năm Huyện hoàn thành chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ. Huy động và triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- Trước năm 2011 tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện còn nhiều diễn biến phức tạp. Các tổ chức phản động bên ngoài đẩy mạnh hoạt động tán phát tài liệu có nội dung xấu, tuyên truyền xuyên tạc, tình hình trong dân tộc, tôn giáo, tranh chấp, khiếu kiện, hoạt động truyền đạo trái pháp luật, hoạt động tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy từng lúc, từng nơi diễn biến phức tạp, nổi cộm là trộm cắp tài sản, giết người...trung bình 40 vụ/năm. Khi

thực hiện xây dựng nông thôn mới tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn các xã trong những năm qua luôn được giữ vững và ổn định. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội gắn với thực hiện Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, chủ động đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, ma túy, bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng được 11 loại mô hình với 144 câu lạc bộ phòng, chống tội phạm. Trong đó có nhiều mô hình hoạt động có hiệu quả, điển hình là các mô hình như sau: Mô hình “Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và TNXH”, mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo”, mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại gia đình và cộng đồng dân cư”, mô hình “Phát hiện, Tố giác và vây bắt tội phạm”, mô hình “Bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ”, mô hình “3 Giám 3 giữ”, mô hình câu lạc bộ nông dân “3 tốt”...được các cấp tặng nhiều giấy khen, bằng khen như: 55 Giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh, 27 giấy khen của UBND huyện, 08 Bằng khen của UBND tỉnh, 03 Bằng khen của Bộ Công an. Tình hình trật tự an toàn xã hội được kiểm chế và kéo giảm, góp phần giữ vững cuối năm 2019 kiểm tra đánh giá 111/111 ấp, khóm được công nhận an toàn về an ninh trật tự và 13/13 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự; đến thời điểm hiện tại có 10/10 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

- **Đánh giá:** 13/13 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh, theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới:

3.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố công khai.

Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Có quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2015; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Càng Long đến năm 2020; Tuy nhiên, các quy hoạch vẫn còn chưa đáp ứng yêu cầu cho xây dựng huyện nông thôn mới.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Khi các quy hoạch được phê duyệt, Huyện có xây dựng và ra Quyết định ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, chỉ đạo công bố quy hoạch rộng rãi có phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành chuyên môn có liên quan triển khai thực hiện và quản lý đúng quy định.

+ Về Quy hoạch vùng huyện: Trên cơ sở Quyết định số 558/QĐ-TTg

ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 35/2016/TTBNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, nhằm tạo cơ sở, tiền đề quản lý, định hướng phát triển huyện Càng Long kết nối đồng bộ, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, huyện Càng Long đã hoàn thành công tác lập quy hoạch vùng huyện đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040. Công bố quy hoạch và niêm yết công khai tại các nơi công cộng và xây dựng các cụm Pano để công bố rộng rãi cho toàn dân biết thực hiện.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về quy hoạch theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

3.2. Tiêu chí số 2 về giao thông:

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Hệ thống giao thông đường bộ trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã, có Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%.

+ Đường thủy (nếu có): Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

+ Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

+ Đường bộ: Toàn huyện có 76/362 tuyến đường giao thông, dài khoảng 242,960/886.78km, tổng số 52/944 cầu kiên cố, 44 công cụ thể gồm: 02 tuyến Quốc lộ 53,60 đi qua với chiều dài 22,7km; 01 tuyến đường tỉnh 911 với chiều dài 14.5km; Toàn huyện có 09 tuyến Đường huyện kết nối với Trung tâm hành chính xã: (trong đó đường huyện 1: 11,660km; đường huyện 2: 19,000km; đường huyện 6: 10,500km; đường huyện 7: 13,9km); các xã có đường ô tô đi đến trung tâm xã, đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa 56,7/273,428 km; đường ngõ xóm được cứng hóa 79,5/263,486; đường trục chính nội đồng được nhựa hóa và đan hóa 14,5/140,214 km.

Hệ thống đường giao thông vẫn còn chưa đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân, các tuyến đường ngõ xóm còn lầy lội, các tuyến đường trục chính nội đồng chưa được xây dựng đầy đủ để phục vụ cho lưu thông hàng hóa, các tuyến liên ấp trục ấp thiếu và nhiều tuyến đường xuống cấp ít được duy tu sửa chữa.

+ Đường thủy: Huyện có một số tuyến giao thông thủy quan trọng như: Kênh An Trường – công Cái Hóp, Sông Huyện Hội, (Kênh Trà Ngoa – Kênh Trà

Éch – sông Ô Chát – Kênh ngang Kênh 3 – 2), tuyến Sông Basi – Láng Thè và nhiều tuyến sông khác như sông Cổ Chiên (khoảng 45km) được nạo vét, luồng lạch. Tuy nhiên, các bến giao thông, các tuyến luồng lưu thông chưa được lắp biển cảnh báo nguy hiểm, các bến thủy nội địa còn tự phát thiếu quản lý và chưa được cấp phép, một số hệ thống kênh chưa được nạo vét để lưu thông dòng chảy, ảnh hưởng đến việc tưới tiêu, nuôi trồng của người dân.

+ Vận tải: Xây dựng Bến xe huyện đạt, với diện tích 2.000 m²; chưa có bố trí đầy đủ điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Đường bộ: Đến nay toàn huyện có 362 tuyến đường giao thông, dài khoảng 886.78 km, tổng số 118/944 cầu kiên cố, 174 công cụ thể gồm: 02 tuyến Quốc lộ 53,60 đi qua với chiều dài 22,7km đã được mở rộng và thảm nhựa 100%; 02 tuyến đường tỉnh 911, 915B với chiều dài 18,7km đã được mở rộng và thảm nhựa 100%; Toàn huyện có 09 tuyến kết nối với Trung tâm hành chính xã, với chiều dài 131,160km, được nhựa hóa 100%; các xã có đường ô tô đi đến trung tâm xã, đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa 177,728/273,428 km, đạt 65%; đường ngõ xóm được cứng hóa 189,70/263,486, đạt 72%; đường trục chính nội đồng được nhựa hóa và đan hóa 85,128/140,214 km, đạt 61%.

Hệ thống đường giao thông tương đối phù hợp với cấp đường theo quy hoạch, phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông của huyện. Hệ thống cầu, công trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, đáp ứng nhu cầu của người dân, Hàng năm huyện có kế hoạch bảo trì, sửa chữa các tuyến đường, cầu, công bị hư hỏng đảm bảo giao thông được thông suốt và an toàn.

+ Đường thủy: Huyện có một số tuyến giao thông thủy quan trọng như: Kênh An Trường – cống Cái Hóp, Sông Huyện Hội, (Kênh Trà Ngoa – Kênh Trà Éch – sông Ô Chát – Kênh ngang Kênh 3 – 2), tuyến Sông Basi – Láng Thè và nhiều tuyến sông khác như sông Cổ Chiên, tạo thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, các tuyến giao thông thủy trọng yếu đều được lắp đặt biển cảnh báo đảm bảo an toàn cho phương tiện lưu thông. Hệ thống kênh rạch phục vụ vận chuyển hàng hóa, sản xuất nông nghiệp và lưu thông thủy với tổng chiều dài 726 km hàng năm đã được nạo vét. Huyện có 14 bến thủy nội địa được Sở Giao thông vận tải cấp phép đủ điều kiện hoạt động an toàn theo quy định. Hiện nay hệ thống giao thông thủy của Huyện tương đối hoàn thiện và thường xuyên được bảo trì hàng năm.

Huyện có 03 bến đò ngang tại các xã như: Đức Mỹ, Đại Phước và Đại Phúc đều được Ban an toàn giao thông huyện xây dựng mô “*Văn hóa giao thông với bình yên sông nước*” và đi vào hoạt động.

Hiện nay hệ thống giao thông thủy của Huyện tương đối hoàn thiện và thường xuyên được bảo trì hàng năm.

+ Vận tải: Đã nâng cấp xây dựng bến xe huyện đạt tiêu chuẩn loại IV, với diện tích 2.200m²; có bố trí 07 điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện; có tuyến vận tải hành khách công cộng theo quy hoạch.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về giao thông theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

3.3. Tiêu chí số 3 về thủy lợi:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Càng Long cơ bản được xây dựng nhưng chưa hoàn chỉnh từ kênh trục chính (cấp II) đến các tuyến kênh nhánh nội đồng (cấp III). Do trong quá trình sử dụng trong thời gian dài và không được nạo vét thường xuyên xảy ra hiện tượng bồi lắng, độ sâu không đáp ứng nhu cầu tưới tiêu dẫn đến tình trạng một số khu vực còn thiếu nước cục bộ vào mùa khô và ngập úng vào mùa mưa gây ảnh hưởng không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp và lưu thông hàng hóa của nhân dân, chưa chủ động trữ nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:* Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch. Các tuyến kênh trục chính, kênh sừn trên địa bàn huyện đều được thông tuyến và đấu nối với các hệ thống sông chính phù hợp với quy hoạch phục vụ cho sản xuất, toàn huyện, hiện nay toàn huyện có 194 tuyến kênh, dài 472.715 km (Trong đó: Kênh cấp I có 22 tuyến, dài 16.013 km, ngang từ 10 - 30 m; kênh cấp II có 172 tuyến, dài 310.702 km, ngang từ 6 - 20 m; kênh cấp III có 244 tuyến, dài 229,235 km, ngang từ 4 - 8 m), cùng với hệ thống kênh, huyện có 34 cống, bông đầu mỗi đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và dân sinh. Đặc biệt là hệ thống cống Cống Láng thê 10 cửa thuộc địa bàn xã Đại Phước và Cống Cái hóp 07 cửa thuộc địa bàn xã Đức Mỹ phục vụ ngăn mặn, trữ ngọt điều tiết nước, phục vụ sản xuất và đảm bảo tốt cho lưu thông, vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy.

- Thực hiện tốt công tác quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã: Trên địa bàn huyện có Xí nghiệp thủy nông huyện trực thuộc Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Trà Vinh thực hiện việc quản lý, khai thác hệ thống thủy lợi hoạt động hiệu quả, đảm bảo phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn; tất cả các công trình thủy lợi do huyện quản lý đều được phân cấp quản lý, giao trách nhiệm rõ ràng đảm bảo việc quản lý và vận hành; Đảm bảo điều hòa phân phối nước tiêu nước cấp hợp lý; điều tiết, vận hành

các công, bọng đầu mối, quản lý đúng theo quy định. Hàng năm đều có kế hoạch bảo trì, duy tu, sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi.

- Hàng năm có xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, nâng cấp thường xuyên hệ thống công trình từ nguồn vốn cấp bù dịch vụ công ích thủy lợi; nạo vét kênh trục và kênh nội đồng; xây dựng kế hoạch vận hành các công đầu mối nhằm chủ động cung cấp và tiêu thoát nước phục vụ sản xuất.

Nhìn chung hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện đồng bộ theo quy hoạch, đảm bảo 100% nhu cầu nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

- **Đánh giá:** Đạt tiêu chí về thủy lợi theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

3.4. Tiêu chí 4 về điện:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Toàn huyện có 207 Trạm biến áp, với tổng công suất 16.045 KVA; 259 km đường dây trung thế; khoảng 329,19 km đường dây hạ thế; tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 97,06%. Trong đó, hộ đầu nổi đuôi không an toàn chiếm khoảng 14,96%.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Kết quả thực hiện tiêu chí: Hiện nay hệ thống điện trung áp, hạ áp liên xã, thị trấn trên địa bàn huyện được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch phát triển của ngành điện và thường xuyên được kiểm tra an toàn theo ngành điện. Toàn bộ hệ thống thường xuyên được kiểm tra, rà soát các tuyến đường dây trung áp, trạm biến áp, đường dây hạ thế và được đầu tư, cải tạo lưới điện đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của hệ thống. Đến nay, toàn huyện có 333,765 km đường dây trung thế và 622,977km đường dây hạ thế và 602 trạm biến áp, dung lượng 46,637kVA, do Công ty Điện lực Trà Vinh quản lý vận hành lưới điện trung, hạ, trạm biến áp, Điện nông thôn Càng Long và Hợp tác xã điện Tiến thành, Hợp tác xã điện An Trường quản lý vận hành lưới điện hạ áp. Lưới điện phân phối liên xã, đáp ứng thông số kỹ thuật quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và đảm bảo phục vụ sản xuất 100%. Đến nay tổng số hộ sử dụng điện là 36.338/36.538 hộ đạt 99,45% lệ hộ có điện; tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn là 36.029/36.538 chiếm 98,59%. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo quy định của Bộ Công thương; đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về điện theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

3.5. Tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục:

3.5.1. Về y tế:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Bệnh viện đa khoa khu vực đóng trên địa bàn huyện hoặc Trung tâm Y tế có giường bệnh được công nhận từ hạng 3 trở lên.

Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia hoặc Trung tâm Y tế không có giường bệnh, có cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị đủ theo quy định của Bộ Y tế cho Trung tâm Y tế dự phòng tuyến huyện.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Huyện có Bệnh viện đa khoa Càng Long, quy mô 100 giường bệnh; có Trung tâm Y tế huyện, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự theo quy định.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hệ thống y tế của huyện đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, Trung tâm Y tế huyện Càng Long với diện tích khoảng 36.865,8 m² có quy mô 100 giường bệnh, Bệnh viện đa khoa huyện được sáp nhập thành Trung tâm Y tế huyện và được công nhận đạt tiêu chuẩn Trung tâm Y tế hạng 3 theo Quyết định số 1459/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về việc công nhận xếp hạng Trung tâm Y tế huyện Càng Long (hạng 3) thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh.

Trung tâm Y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cũng như các hoạt động ý tế khác. Hiện Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nhân sự theo quy định của Bộ Y tế.

Đến 8 tháng đầu năm 2020, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện là 130.146/147.694 người chiếm tỷ lệ 88,12%. Chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tiếp tục được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn thực hiện đạt kết quả cao, tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thể thấp còi toàn huyện năm 2020 có 1.444/10.533 em, chiếm tỷ lệ 13,71%.

3.5.2. Về Văn hóa:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã (thị trấn, phường) có hiệu quả theo quy định.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* cơ sở vật chất văn hóa của huyện chỉ có 01 Nhà văn hóa - thể thao với diện tích 800m² đã xuống cấp, sân vận động huyện 16.000 m² đã bị ngập nước, các sân thể thao xã đều bằng sân cát.

- *Kết quả thực hiện:* + Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện được đầu tư xây dựng với tổng diện tích khoảng 2.933,8 m² bao gồm trụ sở làm việc 612,4m² được bố trí đầy đủ các phòng Giám đốc, Phó giám đốc, Hành chính – Tổng hợp,

Văn hóa - Văn nghệ, Thể dục - Thể thao, Tuyên truyền lưu động diện tích đạt chuẩn, hoặc trên chuẩn; Hội trường đa năng diện tích 600 m², bố trí 350 chỗ ngồi, có sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn văn nghệ, Nhà thi đấu đa năng diện tích 1.721,4 m², đang trong quá trình đấu thầu mua sắm trang thiết bị; Quảng trường với diện tích 16.000 m², là nơi tổ chức các sự kiện ngoài trời, tập luyện thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ, vui chơi cho thanh thiếu nhi, hàng năm có gần 20.000 lượt trẻ em và người dân đến vui chơi, giải trí; có gần 5.000 lượt người đến tham gia và các giải đấu thể thao; Sân vận động với diện tích trên 22.069m² là nơi diễn ra các hoạt động vui chơi giải trí của cộng đồng. Mặt khác, huyện có 01 xe chuyên dụng phục vụ tốt công tác tuyên truyền, thông tin lưu động và thực hiện tốt các hoạt động kết nối các xã trong huyện. Hàng năm phối hợp với các xã, thị trấn tổ chức biểu diễn, tuyên truyền lưu động trên 100 buổi, đồng thời tổ chức hơn 20 giải thể thao cấp huyện. Bên cạnh đó, huyện còn vận động xã hội hóa đầu tư 02 hồ bơi ở khóm 3 thị trấn Càng Long, thực hiện chương trình chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn huyện.

3.5.3. Trường học:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:* Trên địa bàn huyện Càng Long có 5 trường Trung học phổ thông đều chưa đạt chuẩn quốc gia.

- *Kết quả thực hiện:* Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ dạy và học các trường trên địa bàn huyện đáp ứng tốt nhu cầu học tập của học sinh toàn huyện, qua quá trình đầu tư xây dựng cả về cơ sở vật chất và chất lượng giáo viên, hiện tại trên địa bàn huyện có 05/05 Trường Trung học phổ thông đã được UBND tỉnh Trà Vinh công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 100% (Quyết định số 2458/QĐ-UBND, ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công nhận Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đăng, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn quốc gia, Quyết định số 2459/QĐ-UBND, ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công nhận Trường Trung học phổ thông Dương Háo Học, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn quốc gia, Quyết định số 2460/QĐ-UBND, ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công nhận Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Hai, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn quốc gia, Quyết định số 2461/QĐ-UBND, ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công nhận Trường Trung học phổ thông Hồ Thị Nhâm, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn quốc gia, Quyết định số 2462/QĐ-UBND, ngày 23/6/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công nhận Trường Trung học phổ thông Bùi Hữu Nghĩa, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn quốc gia).

- *Đánh giá:* Đạt tiêu chí về y tế - văn hóa - giáo dục theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

3.6. Tiêu chí số 6 về sản xuất:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

+ Trên địa bàn huyện có 13/14 xã là vùng tập trung sản xuất lúa (còn lại xã Đức Mỹ là phát triển trồng cây công nghiệp ngắn ngày như cây lác); toàn huyện có 6 Hợp tác xã nông nghiệp, với 52 thành viên, vốn điều lệ 104 triệu đồng. Tuy nhiên, mô hình chưa thực hiện được liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất thiếu bền vững; các hợp tác xã chỉ hoạt động cầm chừng, số lượng thành viên ít, vốn góp còn hạn chế chưa xây dựng được phương án kinh doanh cũng như thực hiện vai trò liên kết bao tiêu sản phẩm cho thành viên, đặc biệt là trong cánh đồng lớn, HTX hoạt động theo luật HTX năm 2003.

+ Huyện có tiềm năng phát triển cây ăn trái, nhưng chưa ứng dụng khoa học công nghệ, chất lượng và khả năng cạnh tranh còn hạn chế, chưa liên kết đảm bảo đầu vào đầu ra, vì vậy giá không ổn định.

+ Nền sản xuất nông nghiệp của huyện chủ yếu còn mang tính tự phát, chưa hình thành vùng sản xuất tập trung, các mô hình quy mô nhỏ. Tổ chức sản xuất nông nghiệp tương đối lạc hậu, theo tập quán và kinh nghiệm, chưa áp dụng nhiều các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác; Trong sản xuất chủ yếu sử dụng giống kém chất lượng, đặc biệt đối với cây lúa sử dụng phương pháp sạ dày (gieo sạ với lượng lúa giống từ 20 -25kg/1.000m² đất sản xuất), cơ giới hóa ở các khâu sản xuất còn thấp, chưa hình thành được mô hình sản xuất tập trung, năng suất thấp. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích bình quân khoảng 90 - 110 triệu đồng/ha; quy mô nhỏ, hiệu quả thấp, chưa thực hiện được các khâu liên kết trong sản xuất để tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân và trong thành viên các hợp tác xã,...

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Toàn huyện có 222 mô hình sản xuất nông nghiệp theo hình thức tổ chức hợp tác, tăng 111 mô hình so với năm 2011. Trong đó, có 08 mô hình sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn. Cụ thể:

Đối với sản xuất lúa có 6 mô hình thực hiện ở các xã như: Huyện Hội, An Trường, An Trường A, Mỹ Cẩm với diện tích 1.460,6 ha, sử dụng các giống lúa chất lượng cao như giống OM 5451, OM 4900, Đài Thơm 8..., Năng suất lúa bình quân đạt 7,2 tấn/ha, cao hơn 0,3 tấn/ha so với lúa ngoài cánh đồng lớn; lợi nhuận bình quân cao hơn khoảng 6 đến 8 triệu đồng/01 ha.

Đối với cây Thanh long ruột đỏ với vùng nguyên liệu trồng tập trung theo phương thức cánh đồng lớn là trên 100ha, ở các xã như Phương Thạnh, Bình Phú, có thực hiện liên kết bao tiêu sản phẩm với Công ty TNHH Vạn Phước Thành, có địa chỉ tại ấp Chợ, xã Phương Thạnh.

Đối với cây lác với diện tích vùng nguyên liệu được trồng là trên 780ha, trồng tập trung ở các xã như Đức Mỹ, Đại Phước, Nhị Long Phú đang thực hiện mô hình sản xuất gắn với liên kết theo chuỗi giá trị và tiêu thụ sản phẩm. Đối

với mô hình này đã thực hiện khâu liên kết thông qua các hợp tác xã nông nghiệp trong huyện, các công ty trong và ngoài huyện đã ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho nông dân và thành viên HTX, qua đó làm cho lợi nhuận tăng thêm khi tham gia mô hình liên kết theo chuỗi giá trị tăng thêm từ 4,5 - 5 triệu đồng/ha/vụ.

Bên cạnh đó, định hướng sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, huyện đã xây dựng 01 mô hình sản xuất dừa hữu cơ, sử dụng phân vi sinh, phân hữu cơ theo hướng sản xuất an toàn thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm thông qua Hợp tác xã nông nghiệp Đại Phước, HTX Vạn Hưng xã Bình Phú và Công ty Betrimex Bến Tre với diện tích dừa hữu cơ là 327ha, tập trung tại xã Đại Phước, có trên 250 hộ tham gia, năng suất bình quân của mô hình đạt 36 tấn trái/ha/năm, giá bán luôn cao hơn giá thị trường từ 10.000 – 12.000 đồng/10 trái dừa. Lợi nhuận cao hơn so với ngoài mô hình 2,5 – 2,7 triệu đồng/ha; Trong sản xuất huyện cũng đã thực hiện ứng dụng công nghệ quan trắc đo nước tự động trên các hệ thống sông của huyện, để cảnh báo sớm về độ mặn và nồng độ PH trong nước, nhằm giúp người dân chủ động ứng phó trong sản xuất, thông qua việc hướng dẫn người dân cài đặt hệ thống quan trắc trên ứng dụng của điện thoại thông minh.

+ Tình hình hoạt động của các hợp tác xã đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động, các hợp tác xã đã từng bước ký kết được các hợp đồng hợp tác làm cầu nối giữa doanh nghiệp và xã viên, thể hiện đúng vai trò liên kết theo chuỗi giá trị, liên kết đầu vào, đầu ra cho thành viên.

+ Ngoài ra, tập trung thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng giá trị trên một đơn vị diện tích,... Chỉ đạo quy hoạch sản xuất, xây dựng các vùng chuyên canh với quy mô lớn, tập trung để liên kết theo chuỗi giá trị trên các sản phẩm chủ lực của huyện trong sản xuất. Đến nay, 90% diện tích sản xuất lúa sử dụng giống chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phục vụ xuất khẩu, các khâu trong sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa khoảng 80% đã mang lại hiệu quả tối ưu trong sản xuất góp phần tăng thu nhập đáp ứng tiêu chí nông thôn mới. Chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác như rau các loại, cây bắp, cây ăn trái, cây dừa và trồng cỏ nuôi bò được 2.894 ha, góp phần tái cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng giá trị trên đơn vị diện tích; triển khai thực hiện tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, kết quả đã hỗ trợ được 484,887 ha, 01 điểm tiêu thụ rau an toàn, 04 mô hình trồng màu nhà lưới bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất và nhiều mô hình trồng trọt, chăn nuôi hiệu quả khác.

+ Huyện đã định hướng và hình thành được những sản phẩm chủ lực của huyện với 07 loại sản phẩm lúa, cây dừa, lác, Thanh long ruột đỏ, bưởi da xanh, quýt đường, cam sành; các xã thị trấn đã đăng ký mỗi xã, thị trấn một sản phẩm đặc trưng đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1905/ QĐ-UBND, ngày 27 tháng 9 năm 2018. Hiện nay các xã đang tập trung xây dựng kế hoạch

để phát triển sản phẩm của mỗi địa phương đi đến đăng ký nhãn hiệu. Ngoài ra, huyện đang xây dựng chuỗi liên kết từ đầu vào đến bao tiêu, tiêu thụ trên sản phẩm chủ lực của huyện như cây lác và cây quýt đường. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích 194 triệu đồng/ha.

Ủy ban nhân dân huyện kịp thời có kế hoạch rà soát Quy hoạch về hạ tầng phục vụ sản xuất và quy hoạch tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện, xây dựng lại vùng sản xuất tập trung về cây lúa, cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày và nuôi trồng thủy sản đáp ứng thị trường xuất khẩu và tiêu dùng nội địa tại các xã, thị trấn trong huyện.

+ Vùng chuyên canh trồng lúa với diện tích 9.320 ha, tập trung ở các xã như Huyện Hội, Phương Thạnh, Bình Phú, An Trường, An Trường A, Mỹ Cẩm, Tân Bình, Tân An.

+ Vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngày như cây lác, tập trung ở xã Đức Mỹ, Đại Phước, Nhị Long, Nhị Long Phú, Đại Phúc và nhóm 9 thị trấn Càng Long, với diện tích trên 780 ha, sản lượng khoảng 18.720 tấn/năm.

+ Vùng chuyên trồng cây ăn trái như: Thị trấn Càng Long, Nhị Long, Nhị Long Phú, Mỹ Cẩm, Đại Phúc, Đại Phước, Huyện Hội, Bình Phú, Tân Bình, Tân An với diện tích là 4.355 ha

+ Vùng sản xuất cây ăn trái trên đất lúa (cây cam sành, thanh long, bưởi, quýt đường): với diện tích trồng 1.325 ha. Bố trí tại các xã như Tân An; Phương Thạnh; Bình Phú; Thị trấn Càng Long; An Trường; Tân Bình; Huyện Hội; Nhị Long; Nhị Long Phú;...,

+ Thực hiện phát triển sản xuất trồng dưa hấu cơ sử dụng phân bón vi sinh, theo hướng nông nghiệp sạch, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã Đại Phước, với tổng diện tích 327 ha, có 250 hộ tham gia sản xuất. Đơn vị phối hợp liên kết là Công Ty TNHH Betrimex Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

+ Phát triển sản xuất cây Cam sành đạt tiêu chuẩn VietGap của HTX nông nghiệp Đại phúc (xã Đại Phước), liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã, với diện tích 22 ha, có 42 hộ. Đơn vị phối hợp liên kết là các siêu thị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

+ Hiện nay huyện tiếp tục đẩy mạnh phối hợp với Công ty Betrimex Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở rộng thêm diện tích trồng dưa hấu cơ với diện tích khoảng 300ha, tập trung ở 02 xã Mỹ Cẩm và An Trường A, từng bước xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho vùng nguyên liệu dưa hấu cơ của huyện Càng Long.

* *Đánh giá: Đạt tiêu chí về sản xuất theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

3.7. Tiêu chí số 7 về môi trường:

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.

+ Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

+ Có tổ chức thu gom rác thải, nhưng chưa có xe chở rác chuyên dụng. Vấn đề thu gom và xử lý rác thải chưa đúng quy trình, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan môi trường trên địa bàn huyện chưa xanh - sạch - đẹp.

+ Tỷ lệ hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đăng ký đề án bảo vệ môi trường và thực hiện cam kết bảo vệ môi trường chưa được thực hiện tốt, chưa chấp hành nghiêm các quy định về sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Số hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh chiếm tỷ lệ thấp 40% (4.487,6/11.219 hộ), ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi và trong sinh hoạt của Nhân dân chưa cao và chưa đảm bảo.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn: Huyện có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện được phê duyệt tại Quyết định 9194/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Càng Long và đã triển khai thực hiện đạt hiệu quả, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện.

Về trang thiết bị và phương tiện: xe thu gom rác, thùng rác được bố trí khắp các tuyến đường đảm bảo công tác vệ sinh môi trường địa bàn huyện luôn sạch đẹp. Bên cạnh đó huyện Càng Long được Sở Tài nguyên và Môi trường đầu tư lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 330 kg/giờ góp phần đảm bảo quá trình vận hành lò đốt không gây ô nhiễm môi trường xung quanh, khí thải lò đốt đạt quy chuẩn hiện hành theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu là nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản của huyện và không vi phạm Luật Bảo vệ môi trường. Trên địa bàn huyện không có khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động, có 01 làng nghề ở Đức Mỹ có phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định và được UBND huyện phê duyệt năm 2018. Các xã đều có quy ước/hương ước bảo vệ môi trường.

- Công tác thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật: hiện tại các xã thường xuyên tuyên truyền, vận động nông dân thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng theo đúng quy định, không vứt bừa bãi ra môi trường. Đối với bao bì, chai lọ chứa hóa chất bảo vệ thực vật đã qua sử dụng, hiện nay huyện có thực hiện dự án bể thu gom chất thải nguy hại đồng ruộng với 340 bể chứa, trong đó còn khoảng 320 bể đang sử dụng được, từ năm 2018 đến nay triển khai phân loại, thu gom, xử lý được 3 lần với khoảng 500kg. Huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng, các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân thải bỏ, xử lý chất thải này đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 về

hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và theo quyết định của UBND tỉnh. Chất thải rắn từ canh tác, thu hoạch mùa màng: bao gồm rơm, rạ, phụ phẩm nông nghiệp... được sử dụng làm thức ăn cho trâu bò hoặc rơm rạ được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cày lật đất, tự phân hủy. Như vậy chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%.

+ Về cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ: từ trước đến nay huyện đã xác nhận và ủy quyền xác nhận cho cấp xã các hồ sơ môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hộ chăn nuôi, kết quả có khoảng 1.317 hồ sơ môi trường được xác nhận đăng ký, đạt 100% tăng 800 hồ sơ so năm 2011. Ngoài ra, các điểm bán nhỏ, lẻ và hàng rong trên địa bàn các xã, thị trấn thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo qui định.

+ Toàn huyện có 10.288/11.219 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh, đạt 91.7% tổng số hộ chăn nuôi các xã nông thôn mới. So với năm 2011 (4.487,6/11.219 hộ) chỉ đạt 40% hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, tăng 51.7%.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về môi trường theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

3.8. Tiêu chí số 8 về an ninh, trật tự xã hội:

- *Yêu cầu của tiêu chí:* Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội.

- *Thực trạng trước khi thực hiện tiêu chí:* Năm 2011 công tác vận động quần chúng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ luôn đã được quan tâm và đạt được kết quả đáng kể. Tuy nhiên, tình hình trật tự an toàn xã hội và các loại tội phạm từng lúc còn diễn biến phức tạp, như cờ bạc, trộm cắp, cướp, cướp giật, trộm cắp vật...nhất là trộm cắp chó, trộm xe mô tô diễn ra rất nhiều. Bên cạnh đó ý thức tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ cũng còn hạn chế. Tình hình an ninh chính trị cơ bản được giữ vững, tuy nhiên tình hình an ninh trong dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt là các vụ khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội có thời điểm diễn biến phức tạp.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Hằng năm, Huyện ủy có Chỉ thị và UBND huyện xây dựng kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên tích cực phối hợp tham gia đảm bảo an ninh trật tự.

+ UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại tố cáo; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể trong việc xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo đúng thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được giao. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị phản ánh của người dân.

+ Trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo tốt; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác tuy hàng năm có lúc tăng, giảm, tuy nhiên tỷ lệ khám phá án đạt trên 80%, đặc biệt án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%, trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội. Cụ thể: năm 2011: phạm pháp hình xảy ra 35 vụ, 44 đối tượng; tệ nạn xã hội 34 vụ, 203 đối tượng, năm 2012: phạm pháp hình xảy ra 33 vụ, 33 đối tượng; tệ nạn xã hội 43 vụ, 251 đối tượng, năm 2013: phạm pháp hình xảy ra 36 vụ, 29 đối tượng; tệ nạn xã hội 45 vụ, 306 đối tượng, năm 2014: phạm pháp hình xảy ra 45 vụ, 51 đối tượng; tệ nạn xã hội 55 vụ, 267 đối tượng, năm 2015: phạm pháp hình xảy ra 52 vụ, 70 đối tượng; tệ nạn xã hội 38 vụ, 190 đối tượng, năm 2016: phạm pháp hình xảy ra 46 vụ, 65 đối tượng; tệ nạn xã hội 59 vụ, 75 đối tượng, Năm 2017: phạm pháp hình xảy ra 40 vụ, 45 đối tượng; tệ nạn xã hội 56 vụ, 327 đối tượng, năm 2018: phạm pháp hình xảy ra 41 vụ, 46 đối tượng; tệ nạn xã hội 31 vụ, 187 đối tượng, năm 2019: phạm pháp hình xảy ra 48 vụ, 54 đối tượng; tệ nạn xã hội 66 vụ, 494 đối tượng, năm 2020: phạm pháp hình xảy ra 24 vụ, 42 đối tượng; tệ nạn xã hội 55 vụ, 330 đối tượng.

+ Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT ngày càng được củng cố và phát triển tốt, quần chúng nhân dân tham gia các mô hình tự quản về ANTT, ở địa phương ngày càng nhiều hơn, và có ý thức tốt hơn trong việc phát triển, tổ chức và đấu tranh với các loại tội phạm. Hiện trên địa bàn có 11 mô hình với 144 câu lạc bộ, 1.382 tổ tự quản. Qua đánh giá, đa số các mô hình phòng, chống tội phạm có phát huy được hiệu quả, tiêu biểu như: Mô hình “Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và TNXH”: 13 Câu lạc bộ, Mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo”: 11 Câu lạc bộ, Mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại gia đình và cộng đồng dân cư”: 54 Câu lạc bộ, Mô hình “Phát hiện, Tổ chức và vây bắt tội phạm”: 18 Câu lạc bộ, Mô hình “Bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ”: 25 Câu lạc bộ, Mô hình “3 Giảm 3 giữ”: 01 Câu lạc bộ, Mô hình câu lạc bộ nông dân “3 tốt”: 7 Câu lạc bộ

+ Lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương; các cơ quan bảo vệ pháp luật và hệ thống chính trị phối hợp giải quyết tốt các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện và công tác tiếp dân.

+ Hằng năm Huyện ủy, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tuyên truyền, vận động và triển khai có hiệu quả công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự đảm bảo chất lượng. Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, lực lượng vũ trang và nhân dân; bồi dưỡng, giáo dục quốc phòng an ninh đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trên địa bàn, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, tham mưu xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống không để bị động, bất ngờ góp phần giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

+ Tính đến thời điểm hiện tại huyện Cà Mau không có xã trọng điểm phức tạp về ANTT.

+ Trên địa bàn huyện 13/13 xã được bố trí công an chính quy với số lượng 03 biên chế/xã.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về an ninh, trật tự xã hội, theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

3.9. Tiêu chí số 9 về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:

- *Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

+ Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- *Thực trạng trước khi thực hiện tiêu chí:* Chưa thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và Văn phòng Điều phối nông thôn mới của huyện.

- *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn kịp thời khi thay đổi thành viên, thay đổi vị trí công tác; có thông báo phân công thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn các xã để chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của dân trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng và nâng chất tiêu chí huyện, xã nông thôn mới.

+ Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện luôn được củng cố và kiện toàn nhằm tham mưu tốt cho Ban Chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; có xây dựng quy chế và Quyết định ban hành quy chế hoạt động; phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên, đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Đánh giá: Đạt tiêu chí về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

* **Tóm lại:** Huyện Càng Long 13/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới, theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

V. Đánh giá chung

1. Những mặt làm được:

- Gần 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Càng Long đã không ngừng phấn đấu khắc phục khó khăn chủ động sáng tạo, điều hành linh hoạt, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2015, đạt 9,3%/năm, giai đoạn 2015-2020 đạt 11,03%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Một số dự án đã và đang được triển khai thực hiện như: nâng cấp Quốc lộ 60, cầu Cổ Chiên, các Hương lộ Tỉnh lộ trên địa bàn huyện. Đặc biệt xây hương lộ 7, hương lộ 37. 39... và nhiều công trình quang trọng khác trên địa bàn huyện, thương mại, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Các lĩnh vực dịch vụ: Vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng,... tiếp tục phát triển phục vụ tốt nhu cầu xã hội.

- Công tác quy hoạch được quan tâm thực hiện như: Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung huyện Càng Long...

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

- Chất lượng hệ thống chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên. Hoạt động của Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước đổi mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của địa phương; triển khai thực hiện kế hoạch tái cơ cấu kinh tế chưa đi vào chiều sâu, nhất là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sản xuất theo hướng liên kết; nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ tuy phát triển nhưng quy mô sản xuất nhỏ, sức cạnh tranh thấp; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động chưa cao.

- Chất lượng áp, khóm, xã, thị trấn văn hóa có nơi chưa toàn diện; công tác giảm nghèo thiếu bền vững; đào tạo nghề chưa gắn với thị trường lao động nên chưa giải quyết tốt việc làm cho lao động địa phương; xuất khẩu lao động còn thấp; đời sống của một bộ phận Nhân dân tuy có nâng lên đáng kể nhưng chất lượng cuộc sống chưa được nâng cao; kiểm tra giám sát, quản lý đôi lúc thiếu chặt chẽ.

- Tệ nạn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn ra. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và cải cách hành chính cần tiếp tục thực hiện quyết liệt; quản lý Nhà

nước ở một số lĩnh vực chưa sát với yêu cầu thực tế, hoạt động của Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động thay đổi ý thức Nhân dân chưa sâu, chưa có nhiều phong trào hay lời cuốn, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng và một số đảng viên chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm.

*** Nguyên nhân hạn chế:**

- Xuất phát điểm kinh tế xã hội của huyện thấp, nguồn lực đầu tư có hạn; trình độ và năng lực quản lý chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Nhận thức của một bộ phận Nhân dân đối với công tác xây dựng nông thôn mới, nhất là vệ sinh môi trường còn chưa thật sự chú ý thực hiện.

- Công tác quy hoạch chưa kịp thời, quản lý quy hoạch và triển khai chưa chặt chẽ; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức một số nơi năng lực quản lý điều hành chưa cao.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền là nhân tố hàng đầu, sự đồng thuận của Nhân dân là nhân tố thứ hai quyết định thắng lợi trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

- Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, mà chủ thể là Nhân dân. Vì vậy để phát huy tích cực vai trò của chủ thể thì một trong những giải pháp quan trọng là: Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động, thực hiện công khai, dân chủ tất cả các công việc có liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới, để nhân dân được tham gia bàn bạc, quyết định và tổ chức thực hiện.

- Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ ấp, đảm bảo đủ trình độ, năng lực để tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các địa phương và từng địa bàn dân cư.

- Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh chỉ đạo, vận động các ấp và từng hộ gia đình trong việc: Chỉnh trang tường rào công ngõ, nhà ở, xây dựng các công trình, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, cải tạo vườn tạp, đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất; đặc biệt chú ý làm tốt vệ sinh đường làng ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp, thu gom phân loại, xử lý rác thải.

- Phát triển nông nghiệp bền vững góp phần nâng cao thu nhập cho người dân làm tiền đề huy động nguồn lực trong nhân dân: Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; khuyến khích, hỗ trợ phát triển liên doanh, liên kết trong sản xuất. Quan tâm hình thành, tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển, nhất là các hợp tác xã có mô hình liên doanh, liên kết hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm điểm, đánh giá nội dung tiến độ xây dựng nông thôn mới tại các cuộc giao ban tuần, tháng, quý của Ban chỉ đạo để đánh giá kết quả

thực hiện, chỉ ra những tồn tại hạn chế từ đó đưa ra phương hướng chỉ đạo kịp thời. Gắn trách nhiệm kết quả xây dựng nông thôn mới tới từng cơ quan, đơn vị, thành viên Ban chỉ đạo nông thôn mới. Kịp thời động viên, khen thưởng tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng nông thôn mới.

VI. MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN CÀNG LONG

Qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, tình hình kinh tế của huyện tiếp tục tăng trưởng và chuyển dịch theo hướng tích cực; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng; bộ mặt văn hóa nông thôn có nhiều thay đổi; văn hóa - xã hội có bước tiến bộ; đời sống nhân dân từng bước được nâng lên; chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công, chính sách xã hội, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; dân chủ ở cơ sở tiếp tục được phát huy. Trong thời gian triển khai thực hiện huyện có các mô hình điển hình trong xây dựng nông thôn mới như: Mô hình "Phát hiện, tố giác và vây bắt tội phạm", có 21 Câu lạc bộ với 210 thành viên; Mô hình "Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội", có 13 Câu lạc bộ với 118 thành viên; Mô hình "Tuyên truyền giáo dục, cảm hóa đối tượng tại cơ sở Tôn giáo", có 12 Câu lạc bộ với 102 thành viên; Mô hình xây dựng gia đình "5 không 3 sạch", gắn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; Câu lạc bộ "5 không 3 sạch", Mô hình xây dựng các tuyến đường "hoa - sáng - xanh - sạch - đẹp" của Ban Dân vận và các ngành đoàn thể; mô hình tương trợ giúp đỡ nhau "Hạt gạo tình thương" của Hội cựu chiến binh; và rất nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả khác.

1. Nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển theo hướng an toàn, ứng dụng công nghệ hữu cơ, vi sinh:

- Kinh tế nông thôn đạt được những thành tựu quan trọng và có bước chuyển biến mới. Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 2.050 tỷ đồng, tăng **4.210,91 tỷ đồng so năm 2011**, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giá trị sản xuất nhiều loại cây trồng được nâng lên. Tổng giá trị sản phẩm thu hoạch trên một hecta đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt bình quân 194 triệu/ha/năm.

- Ủy ban nhân dân huyện Càng Long đã xác định sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, ứng dụng công nghệ hữu cơ, vi sinh là bước đi tất yếu, là tương lai của nông nghiệp và từ đó đưa ra những giải pháp sử dụng tài nguyên đất hiệu quả, nâng cao chất lượng để gia tăng thu nhập cho lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Bước đầu các hợp tác xã đã định hướng được cho sản xuất trong hoạt động của mình là xây dựng mô hình sản xuất lúa an toàn thân thiện với môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu và cây ăn trái theo hướng nông nghiệp hữu cơ, sạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

2. Về kinh tế hợp tác và tổ chức sản xuất trong nông nghiệp:

- Hiện tại trên địa bàn huyện có 18 hợp tác xã Nông nghiệp đang hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Tình hình hoạt động của các hợp tác xã đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động, các hợp tác xã đã từng bước ký kết được các hợp đồng hợp tác, đã tạo được lòng tin trong các thành viên và có sức lan tỏa trong quần chúng Nhân dân, từ đó ngày càng có nhiều người tham gia góp vốn vào hợp tác xã. Các hợp tác xã đều được thành lập và chuyển đổi hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có tổ chức bộ máy cụ thể, phân công, phân nhiệm rõ ràng, được hỗ trợ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kế toán hợp tác xã; xây dựng điều lệ hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ của hợp tác xã. Phát triển sản xuất theo quy hoạch cũng được hình thành.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá đang dần đúng hướng, để tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nhân dân, tạo sự ổn định phát triển bền vững trên địa bàn huyện. Qua thời gian thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, huyện Cà Mau đã xây dựng được các mô hình kinh tế nông nghiệp hiệu quả, đặc biệt đã làm được mô hình liên kết theo chuỗi giá trị tiêu thụ lúa, cây ăn trái hàng hóa là sản phẩm chủ lực của huyện, đây là nền tảng để nhân rộng ra các sản phẩm chủ lực khác của huyện.

3. Phát triển công nghiệp - xây dựng:

3.1) Công nghiệp:

- Trong những năm qua, mặc dù ảnh hưởng của suy giảm nền kinh tế nhưng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện vẫn phát triển và bền vững, giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng bình quân **đạt 18,49%/năm**, đã thu hút được các công ty, doanh nghiệp lớn về đầu tư giải quyết lao động, việc làm tăng thu nhập; tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề kinh doanh ngày càng mở rộng với số lượng tăng qua các năm, nghề truyền thống được quan tâm đầu tư và phát triển góp phần quan trọng vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện.

- Trên địa bàn huyện có 119 doanh nghiệp giải quyết việc làm cho hơn 2.344 lao động; đang kêu gọi đầu tư với Cụm Công nghiệp Tân Bình với diện tích 55 ha.

3.2) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:

- Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Một số công trình trọng điểm như :

+ Nâng cấp mở rộng các đường vào Trung tâm các xã, 100% trung tâm các xã đã có đường ô tô, các đường trục chính nội đồng, hệ thống giao thông nông thôn phủ đều khắp trên địa bàn huyện phục vụ tốt cho nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là phục vụ tốt cơ giới hóa trong nông nghiệp.

+ Trung tâm Y tế huyện Cà Mau được đầu tư xây dựng với quy mô 100 giường bệnh, đạt chuẩn bệnh viện hạng 3; đạt chuẩn về cơ sở vật chất, trang

thiết bị và nhân sự theo quy định; các Trạm Y tế xã đều đạt chuẩn quốc gia về y tế.

+ 05 Trường Trung học phổ thông, 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện đáp ứng tốt cho nhu cầu giáo dục phổ thông và dạy nghề góp phần tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Cơ sở vật chất trường lớp trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy, học của giáo viên và học sinh.

+ Các thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng, nâng cấp, trang bị các phương tiện, vật chất tương đối hoàn chỉnh gồm: Trung tâm văn hóa – Thông tin - Thể thao huyện; quảng trường; Sân Vận động; Trung tâm văn hóa thông tin & thể thao huyện. Ngoài ra, ở các xã đều có Trung tâm văn hóa thông tin & thể thao xã, sân bóng đá, Nhà văn hóa - khu thể thao ấp... phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt, giao lưu văn hóa và các hoạt động thể thao của người dân.

+ Hệ thống điện được chú trọng cải tạo, nâng cấp cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất cho đời sống Nhân dân, hoàn thành đường dây trung thế, hạ thế, trạm biến áp; mạng viễn thông đáp ứng trong toàn huyện, đến tất cả các ấp; 3 dịch vụ: Điện thoại cố định, điện thoại di động, Internet đáp ứng quy chuẩn quốc gia; hệ thống cấp nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phục vụ sản xuất cho nông dân. Huyện có 21 đài nước cấp nước sạch tập trung ở các cụm dân cư, kết hợp với sử dụng giếng nước bơm tay góp phần nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh khu vực thị trấn 100%, khu vực nông thôn 99,1%.

4. Thương mại, dịch vụ:

- Thương mại, dịch vụ phát triển mạnh, nhiều ngành có mức tăng trưởng khá; hình thành một số loại hình dịch vụ chất lượng cao, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống; hoạt động thương mại, dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, ngân hàng phát triển mạnh với tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng bình quân 24,3%/năm.

- Thực hiện tốt Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, thực hiện chương trình đưa hàng Việt về nông thôn; đa số các chợ nông thôn hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa thiết yếu tiêu dùng phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt thiết yếu của Nhân dân. Công tác tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, chống hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng.

5. Phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ:

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tiếp tục phát triển sâu, rộng, chất lượng, hiệu quả được nâng lên; văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông và phong trào luyện tập thể dục thể thao quần chúng có bước phát triển mới như câu lạc bộ dưỡng sinh, nhóm thể dục, võ cổ truyền, nếp sống văn hóa trong việc cưới việc tang, lễ hội: Lễ cưới được tổ chức đảm bảo đúng theo Luật hôn nhân và gia đình, đảm bảo trang trọng và tiết kiệm, xóa bỏ nhiều hủ tục lạc hậu,...

- Giáo dục và đào tạo đạt được nhiều kết quả nổi bật, góp phần quan trọng vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra. Các phong trào thi đua, cuộc vận động và chủ đề năm học được phát động, tổ chức thực hiện nghiêm túc gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chất lượng giáo dục được quan tâm và phát triển ổn định, vững chắc, quy mô phù hợp, đáp ứng yêu cầu người học. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được quan tâm đầu tư tốt hơn. Chất lượng giáo dục được nâng lên rõ rệt. Đội ngũ giáo viên được đào tạo theo hướng chuẩn hóa. Phương pháp dạy và học không ngừng được đổi mới; trật tự, kỷ cương trong nhà trường được giữ vững. Xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Huyện đã hoàn thành công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ 05 tuổi, phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 1 tăng lên mức độ 2. Chất lượng học sinh giỏi các cấp ổn định ở mức cao, giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề được coi trọng, quan tâm đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- Hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống, sản xuất được coi trọng đã thực hiện, mô hình ứng dụng phân bón thông minh, công nghệ hữu cơ, vi sinh trong sản xuất nông nghiệp dần được hình thành; công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi; công tác quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ được tăng cường.

6. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng lên:

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân không ngừng được chú trọng, từ việc triển khai tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; hệ thống y tế nhà nước và tư nhân được củng cố phát triển; công tác quản lý nhà nước về y tế từng bước được nâng cao; công tác phòng chống dịch bệnh luôn được quan tâm thực hiện tốt; an toàn vệ sinh thực phẩm được kiểm soát; các cơ sở khám chữa bệnh, trang thiết bị y tế ngày càng hiện đại; đội ngũ y, bác sỹ không ngừng đào tạo nâng cao đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho Nhân dân. Hiện nay có 13/13 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, tăng 05 xã, thị trấn so năm 2011; 100% số trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ làm việc... Trung tâm Y tế huyện Càng Long đưa vào hoạt động phục vụ tốt nhu cầu khám và điều trị bệnh cho Nhân dân; quan tâm giáo dục, chấn chỉnh y đức của đội ngũ y, bác sỹ và cán bộ, viên chức ngành y tế, từ đó tinh thần, trách nhiệm phục vụ Nhân dân có sự chuyển biến tích cực; nhất là đối với trẻ em, người nghèo, đồng bào dân tộc Khmer; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế ở mức cao.

7. Giải quyết các vấn đề lao động, việc làm, đảm bảo an sinh xã hội:

- Từ năm 2011 đến nay toàn huyện có 71.857/76.943 lao động có việc làm thường xuyên, đạt 93,4%.

- Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định về chính sách xã hội, chăm sóc người có công, trợ giúp khó khăn. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, phụng dưỡng các Mẹ Việt Nam anh hùng, giúp đỡ các gia

đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện có hiệu quả, góp phần giảm nghèo bền vững.

8. Quốc phòng - an ninh:

- Các Chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về quốc phòng, an ninh được các cấp uỷ quán triệt, thực hiện nghiêm túc; công tác giáo dục quốc phòng toàn dân và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được triển khai thực hiện có hiệu quả. Lực lượng vũ trang huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chất lượng tổng hợp của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được nâng lên. Nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Công tác hậu cần nhân dân, hậu cần địa phương được phát huy tích cực bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng an ninh. Hàng năm, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đảm bảo chất lượng, đúng luật. Tổ chức huấn luyện, diễn tập đạt 100% chỉ tiêu nội dung, thời gian bảo đảm đúng phương châm, nguyên tắc. Phát huy tốt tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng thể trận khu vực phòng thủ phân công vững chắc, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, các Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm thực hiện tốt. Các cấp, các ngành đã phối hợp tốt trong việc đảm bảo giữ vững an ninh nội bộ, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Tập trung chỉ đạo có hiệu quả các đợt cao điểm phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm. Tệ nạn xã hội, tội phạm hình sự, nhất là các vụ trọng án được kiểm chế. Đảm bảo tuyệt đối an ninh trật tự cho các sự kiện chính trị của Đảng, Nhà nước và các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, của địa phương.

VII. Kế hoạch nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm:

Xây dựng nông thôn mới được xác định là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay. Quan điểm xây dựng nông thôn mới là hướng đến thực hiện việc thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, cải thiện điều kiện sinh hoạt ở nông thôn.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước theo hướng hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng nâng cao.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Phần đầu từ năm 2020 – 2025 đạt các chỉ tiêu:

+ Nâng chất 13/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 giai đoạn 2018-2020 của UBND tỉnh Trà Vinh; phần đầu có 02 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, 06 xã đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao; huyện Càng Long trở thành huyện nông thôn mới nâng cao gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa theo Quyết định số 676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sau năm 2020.

+ Tỷ lệ nhà ở đạt theo tiêu chuẩn quy định từ 90% trở lên.

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% trở lên.

+ Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 99,8%.

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 85% trở lên.

+ Tỷ lệ thu gom rác thải tập trung đạt 100%; tạo cảnh quan môi trường sáng- xanh - sạch - đẹp.

+ Trường học đạt chuẩn về cơ sở vật chất 90%.

+ Chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Đề án của huyện đề ra, đảm bảo lao động có việc làm ổn định, tăng thu nhập và thoát nghèo bền vững, tỷ lệ hộ nghèo của huyện dưới 2%.

+ Thu nhập bình quân đầu người đạt 80 - 90 triệu đồng/người/năm.

3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

3.1. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới tại các xã

3.1.1. Về quy hoạch: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tế địa phương; triển khai thực hiện tốt quy chế quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

3.1.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội:

- *Giao thông:* Tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải tạo, duy tu thường xuyên các tuyến đường; xây dựng mới, mở rộng các tuyến đường huyện, xã để phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương; bổ sung quy hoạch mạng lưới giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa. Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, chấp hành nghiêm Luật Giao thông, cấp biển báo đúng quy định, không vi phạm hành lang an toàn giao thông; duy trì và nhận rộng các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; các tuyến đường hoa trên địa bàn các xã.

- *Thủy lợi:* Tiếp tục rà soát đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; hàng năm tranh thủ nguồn vốn đầu tư nạo vét các tuyến kênh mương phục vụ tốt cho sản

xuất nông nghiệp và nuôi thủy sản.

- *Trường học*: Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn, đồng thời đầu tư xây dựng các trường còn lại để đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, có kế hoạch cụ thể nâng cao một số trường từ đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất trên địa bàn huyện lên đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Tiếp tục trang bị thêm các thiết bị đối với các trường đạt chuẩn còn thiếu để nâng cao chất lượng chất lượng dạy và học, tăng cường công tác xây dựng cảnh quan môi trường Trường học đạt “xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

- *Nhà ở*: Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 22, Quyết định 33 của Thủ tướng Chính phủ, các chính sách an sinh xã hội và các nguồn hỗ trợ của mạnh thường quân tiếp tục đầu tư hỗ trợ nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở, đảm bảo cho người dân có nhà ở ổn định đảm bảo tối thiểu 03 cứng theo quy định của bộ xây dựng.

1.3. Văn hóa, y tế, môi trường:

- *Về lĩnh vực văn hóa*: Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn toàn huyện; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các ấp cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao, các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các địa phương trong huyện. Hàng năm bố trí một nguồn kinh phí hợp lý để đầu tư các trang thiết bị cho các nhà văn hóa cho hoàn thiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

- *Về lĩnh vực y tế*: Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 95%. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng chuẩn Quốc gia về y tế xã trong đó chú ý đầu tư thêm trang thiết bị cho trạm y tế xã, duy trì 100% trạm y tế các xã có bác sỹ, có nữ hộ sinh đảm bảo đủ điều kiện khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

- *Về lĩnh vực môi trường*:

+ Tiếp tục thực hiện tốt Đề án thu gom xử lý rác thải trên địa bàn huyện, dự đoán trong thời gian tới lượng rác thải sẽ gia tăng. Đề nghị tỉnh tiếp tục đầu tư mở rộng xây dựng khu xử lý rác thải và thêm 01 lò đốt rác để xử lý lượng rác thải trên địa bàn huyện đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tổ chức đoàn thể huyện, xã thực hiện có hiệu quả các kế hoạch vệ sinh môi trường, không có hoạt động gây suy giảm môi trường, thường xuyên triển khai làm tốt phong trào của Đoàn Thanh niên, phong trào “5 không 3 sạch” của Hội Phụ nữ, phong trào “Ngày chủ nhật xanh” vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, vệ sinh nơi công cộng góp phần tạo môi trường xanh - sạch - đẹp.

1.4. Kinh tế và tổ chức sản xuất

- Thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp và kế hoạch phát triển ngành

chăn nuôi giai đoạn 2021 -2025.

- Tiếp tục triển khai tốt Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17 tháng 8 năm 2018 của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa huyện theo quyết định số 04/2017/QĐ - UBND của UBND tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020, qua đó củng cố xây dựng liên kết vững chắc giữ hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, doanh nghiệp và định hướng xây dựng được vùng nguyên liệu để hình thành mỗi hợp tác xã có một sản phẩm mang nhãn hiệu có tính cạnh tranh, qua đó nâng cao thu nhập cho thành viên hợp tác xã cũng là nâng cao thu nhập cho người dân.

- Đối với sản phẩm chủ lực, khẩn trương triển khai đề án “phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030” theo quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh. Trong đó tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của từng địa phương (lúa, bưởi, xoài, lát, cây dứa, quýt đường...), đồng thời xây dựng được vùng sản xuất hàng hóa có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc để hướng đến xây dựng quy trình sản xuất quy chuẩn quy định, xây dựng được nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm, nông nghiệp nhất là các sản phẩm chủ lực của huyện và các loại nông sản khác khi đủ điều kiện.

- Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện theo hướng nâng cao giá trị, tập trung triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ cao, trồng rau nhà lưới, phát triển và nhân rộng mô hình trồng cây ăn trái sản xuất theo hướng hữu cơ, vi sinh an toàn để nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích. Tiếp tục nâng cấp, cải tạo vườn dứa gắn với thực hiện Kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị dứa tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020 theo Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh.

- Tiếp tục phát triển sản xuất theo hướng trang trại đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện để mang lại giá trị kinh tế cao, tập trung phát triển đàn heo theo hướng trang trại, chăn nuôi vịt, nuôi gà đẻ trứng,... trong đó chú trọng phát triển đàn bò là vật nuôi chủ lực của huyện, chú ý thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

- Thực hiện quản lý tốt việc phát triển nuôi chim yến theo đúng khu vực được phép nuôi và không được phép nuôi theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn, mô hình sản xuất lúa an toàn thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm;

triển khai thực hiện Dự án khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản với các mặt hàng chủ lực.

1.5. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự:

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã gắn với Kế hoạch sắp xếp bộ máy tổ chức và tinh giản biên chế theo chủ trương của Đảng.

- Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để khiếu kiện đông người, vượt cấp.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp công tác nghiệp vụ, chủ động nắm chắc tình hình, đề ra các chủ trương, giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

2. Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới

- *Về giao thông:* Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng các Hương lộ và các cầu trên tuyến đảm bảo đồng bộ với cấp đường; nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến giao thông nông thôn gắn với quá trình phát triển đô thị. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các công trình giao thông để giữ vững tiêu chí huyện nông thôn mới, phấn đấu huyện nông thôn mới kiểu mẫu và tiêu chí đô thị loại IV,...

- *Về thủy lợi:* Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hợp lý nạo vét hàng năm, củng cố, nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng nhằm nâng cao năng lực phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới.

- *Về y tế:* Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Càng Long đảm bảo giữ vững tiêu chuẩn quốc gia về y tế; củng cố hoạt động các trạm Y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

- *Về Văn hóa:* Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng các loại hình hoạt động văn hóa như, các thiết chế văn hóa khác nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và giao lưu văn hóa của Nhân dân.

- *Về Trường học:* Tiếp tục nâng chất các tiêu chí Trường đạt chuẩn quốc gia.

- *Về môi trường:* Đẩy mạnh rà soát, thu gom và vận chuyển rác thải, vận chuyển kịp thời lượng rác thải tại các xã, thị trấn về các bãi rác để xử lý. Tăng cường vệ sinh môi trường tại khu vực trung tâm, khu dân cư, các chợ; xử lý môi trường chăn nuôi ở nông thôn; tiếp tục đầu tư mở rộng lò đốt rác các loại kể cả xử lý rác y tế và rác nông nghiệp;

3. Định hướng xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn nâng cao

3.1. Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:

- Các xã đạt chuẩn nông thôn mới đều phấn đấu đạt nông thôn mới nâng

cao, chọn xã Đức Mỹ làm điểm xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của UBND tỉnh và chọn từ 1-2 xã làm diện để chỉ đạo. Đồng thời, củng cố nâng chất các xã còn lại theo chuẩn nông thôn mới nâng cao. Nâng cao chất lượng hoạt động mô hình cánh đồng lớn, mô hình hợp tác xã kiểu mới, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; thành lập thêm các Hợp tác xã để thực hiện tốt liên kết sản xuất và làm ăn có hiệu quả, góp phần giảm nghèo, nâng cao thu nhập người dân theo tiêu chuẩn xã nông thôn mới nâng cao.

- Thực hiện tốt các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục. Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt 100%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên, không còn trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi; tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học; phấn đấu đạt chuẩn giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn theo quy định; có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu. Mỗi ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Thực hiện tốt các tiêu chí về môi trường và an ninh trật tự; cải cách hành chính đảm bảo công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả.

3.2. Xây dựng huyện Càng Long thành huyện nông thôn mới nâng cao sau năm 2020:

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới; có kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội phù hợp và đồng bộ; cơ cấu kinh tế và hình thức sản xuất tập trung liên kết theo hướng an toàn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất; gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và phát triển du lịch phù hợp với lợi thế của địa phương; phát triển nông thôn đảm bảo giữ gìn bản sắc dân tộc với quá trình đô thị hóa; xã hội nông thôn dân chủ ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh trật tự được giữ vững.

- Trong thời gian tới, huyện Càng Long sẽ tổ chức các đoàn công tác để nghiên cứu, học tập kinh nghiệm, từ đó định hướng xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao ngay từ năm 2020, xác định chủ đề huyện nông thôn mới nâng cao theo hướng “*phát triển hạ tầng sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân*”.

4. Chỉ đạo thực hiện Quyết định số 676/QĐ-TTg, ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa

- Xây dựng huyện Càng Long đạt chuẩn huyện nông thôn mới gắn với quá trình phát triển đô thị phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của huyện, đảm bảo trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển của Tỉnh Trà Vinh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nông thôn mới, phát triển đô thị với bảo đảm quốc phòng, an ninh; đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Quy hoạch, xây dựng các Trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; phát triển các điểm dân cư tập trung kiểu mẫu; kêu gọi đầu tư cụm Công nghiệp Cổ Chiên, Tân Bình; khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch ở những nơi có điều kiện. Triển khai thực hiện Dự án xây dựng Trung tâm chính trị - hành chính và khu đô thị huyện Càng Long; tiếp tục đầu tư xây dựng thị trấn Càng Long trở thành đô thị loại IV, xã Tân An trở thành đô thị loại 5.

- Tiếp tục đổi mới mô hình quản lý chợ, củng cố chỉnh trang các chợ nông thôn. Tranh thủ nguồn lực, kêu gọi đầu tư xây dựng các Trung tâm thương mại. Ngoài ra kêu gọi đầu tư xây dựng các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng nông sản sạch; quy hoạch, xây dựng chợ đầu mối phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân.

- Ngoài Khu công nghiệp cần phát triển một số công ty, xí nghiệp chế biến nông sản gắn với vùng nguyên liệu tại chỗ; hình thành các nhà máy, xí nghiệp cơ khí, hóa chất phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt nội dung các Quyết định 558, 1600, 1980 của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020 và các văn bản của Trung ương, của Tỉnh hướng dẫn Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân, đề mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Rà soát, điều chỉnh bổ sung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch:

- Tập trung rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu trên thị trường.

- Bổ sung các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và hiện đại hóa nông

ng nghiệp, nông thôn; phát triển nông thôn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường; bảo đảm tính liên kết vùng, thống nhất với quy hoạch xây dựng vùng, các quy hoạch chuyên ngành khác, bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt.

3. Tập trung phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và nâng cao đời sống vật chất của người dân:

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng; trong đó, chú ý phát triển mở rộng các mô hình kinh tế tiên tiến hiệu quả, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, phát triển sản xuất bền vững.

- Triển khai thực hiện tốt Đề án “*Tái cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*”, hình thành các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, với cơ cấu sản xuất phù hợp, hiệu quả, có giá trị kinh tế cao, có nhãn hiệu tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Tập trung chỉ đạo chuyên dịch hợp lý cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, nhất là các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ; củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể; khuyến khích phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp có quy mô và công nghệ tiên tiến hiện đại. Đặc biệt quan tâm việc ứng dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ tại các hợp tác xã trên lĩnh vực cây ăn trái; canh tác lúa và rau sạch..., đồng thời đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa. Ngoài ra thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo sản phẩm chủ lực của huyện như chuyển diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng dưa, bưởi, xoài, thanh long, quýt đường, cam các loại.....để tạo sản phẩm có giá trị kinh tế, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân.

- Hỗ trợ kinh tế hộ phát triển, liên kết nông dân với nông dân và liên kết nông dân - doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng, có quy mô lớn, từng bước xây dựng thương hiệu hàng hóa nông sản của huyện.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về Quy hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy trình, gắn với công nghệ chế biến; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác. Từng bước xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa sạch phục vụ nhu cầu của thị trường, tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích.

- Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ cung ứng giống, vật tư, chuyển giao kỹ thuật,

thu mua và chế biến nông sản, phát triển thương mại dịch vụ nông thôn và đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

- Đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác khuyến nông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của Nhà nước và doanh nghiệp. Tăng cường xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị gia tăng và tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP là một hướng đi tất yếu, nhằm phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh trên thị trường để góp phần phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Đảm bảo hướng đi thích hợp, cũng như giải pháp thực hiện hiệu quả, quá trình triển khai Chương trình OCOP huyện sẽ thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ. Trong đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong việc triển khai thực hiện OCOP cho cán bộ và nhân dân; đưa Chương trình OCOP vào Nghị quyết của cấp ủy các cấp, chính quyền; thành lập Ban điều hành Chương trình OCOP cấp huyện để triển khai thực hiện Chương trình OCOP, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới... Ngoài việc rà soát chính sách, tìm hiểu chính sách mới, huyện sẽ tập trung hỗ trợ xúc tiến thương mại, tổ chức sản xuất theo quy trình an toàn, sản xuất theo chuỗi sản phẩm sạch và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, ... phát triển theo tiềm năng thế mạnh chủ lực của từng địa phương tạo các sản phẩm cạnh tranh hiệu quả. Huyện sẽ hỗ trợ và tạo môi trường thuận lợi để phát triển Hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, thúc đẩy đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Đồng thời tạo điều kiện cho các Hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh. Tổ chức các lớp đào tạo; hỗ trợ xây dựng các điểm, trung tâm bán hàng kết nối nông sản với thị trường.

- Phát huy vai trò hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo chuỗi, huyện tiếp tục hỗ trợ phát triển các hợp tác xã nông nghiệp trong thời gian tới ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả; hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp có năng lực tiêu thụ nông sản; tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; đề xuất hỗ trợ đặc thù cho hoạt động xúc tiến thương mại... Cùng với đó là huy động, ưu tiên nguồn lực cho hợp tác xã nông nghiệp từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước (theo chính sách từ các chương trình Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ)...

4. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ và quy mô hơn:

- Duy tu, nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn, vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ cùng với ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên địa bàn đảm bảo thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác thủy lợi, thủy nông nội đồng, quản lý và khai thác tốt các công trình thủy lợi, các công đầu mối đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh.

5. Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, triển khai thực hiện tốt Đề án chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện. Đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và Kế hoạch tái cơ cấu kinh tế của huyện.

- Nêu cao trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể ở các địa phương về giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng cường tuyên truyền để thu hút lao động nông thôn chuyển đổi ngành nghề đến làm việc tại các khu, cụm công nghiệp.

6. Phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa:

- Tiếp tục giữ vững thành quả phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học, phổ cập giáo dục xóa mù chữ, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và phổ cập giáo dục Trung học phổ thông. Phấn đấu đến năm 2020, có 90% số trường học đạt chuẩn về cơ sở vật chất trường học.

- Tiếp tục thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, duy trì các xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới; xây dựng thị trấn Càng Long đạt chuẩn văn minh đô thị loại IV. Tập trung nguồn lực để đầu tư, nâng chất Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện, Nhà văn hóa, khu thể thao xã, ấp, đảm bảo có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã. Ngoài ra huyện có thể mạnh phát triển Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, đa dạng hoá và chất lượng sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng được nhu cầu của du khách, đồng thời tăng cường được sức cạnh tranh của sản phẩm du lịch trên thị trường. Dựa trên các đặc trưng văn hoá, các thế mạnh về sinh thái cảnh quan và các yêu cầu đòi hỏi của thị trường mà tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính đặc thù của huyện. Xây dựng các tour du lịch sinh thái, du lịch văn hoá tâm linh gắn với các di tích lịch sử, lễ hội truyền thống, đa dạng hoá sản phẩm lưu niệm của du lịch.

- Tích cực nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch bằng cách đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch về nghiệp vụ và nâng cao năng lực quản lý. Phấn

đầu cơ bản cán bộ, nhân viên làm trong lĩnh vực du lịch được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học, đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế;

- Xây dựng thương hiệu, bảo tồn và phát triển thương hiệu du lịch sinh thái: Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch bằng nhiều hình thức có tính hiệu quả, thiết thực như xây dựng Website chuyên ngành, tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, tham gia hội chợ du lịch trong và ngoài tỉnh, các ấn phẩm du lịch khác.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, nhất là ở các Trạm Y tế xã. Giữ vững Trung tâm Y tế huyện đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự và giữ vững các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 05 tuổi, thực hiện tốt công tác phòng dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

7. Chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, tập trung chỉnh trang nông thôn theo hướng nông thôn mới nâng cao:

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng huyện Càng Long “sáng - xanh - sạch - đẹp”.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện bãi rác tập trung của huyện, phát huy tối đa lò đốt rác tập trung; trang bị đầy đủ phương tiện thu gom, xử lý rác thải, chất thải phù hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp về phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, hướng dẫn người dân cách xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ bằng phương pháp ủ sinh học, sau đó sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải và thúc đẩy phân loại tại nguồn; cần khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân áp dụng các biện pháp sản xuất sạch hơn. Tăng cường tuyên truyền để thúc đẩy tiêu dùng bền vững trong cộng đồng dân cư.

- Chỉ đạo các địa phương thực hiện nghiêm việc phân loại tại nguồn thành 3 loại là chất thải có thể tái chế; chất thải hữu cơ và loại chất thải còn lại để thu gom, vận chuyển và xử lý riêng biệt đối với chất thải rắn đã được phân loại, tránh chôn lấp chung, xử lý theo đúng qui định. Đặc biệt quyết liệt nói không với chất thải nhựa, túi nilon khó phân hủy, tiến tới chấm dứt hoàn toàn việc sử dụng sản phẩm nhựa.

- Thường xuyên kiểm tra, khảo sát các tuyến kênh thủy lợi kịp thời nạo vét, khai thông dòng chảy và vớt các cây cỏ, lục bình làm ảnh hưởng môi trường nước.

- Phát triển theo hướng chăn nuôi công nghiệp tập trung và hiện đại, bảo đảm chăn nuôi an toàn, thân thiện với môi trường nhằm phát triển bền vững, tiếp tục thực hiện hỗ trợ các hộ chăn nuôi xây dựng hệ thống xử lý chất thải tại chỗ. Tăng cường việc tuyên truyền cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh xử lý chất thải

chăn nuôi để người dân áp dụng và thực hiện đúng quy trình như sử dụng hầm biogas; đẽm lót sinh học...

8. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền trong công tác xây dựng nông thôn mới, phát huy tốt vai trò của Mặt trận, đoàn thể trong công tác vận động tuyên truyền Nhân dân tham gia thực hiện công tác nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Phần đầu cuối năm 2025 có 6 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao.

- Củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp; củng cố kiện toàn Văn phòng Điều phối cấp huyện; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách nông thôn mới cho cấp xã theo quy định của Trung ương và của Tỉnh.

9. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội địa bàn nông thôn:

- Củng cố và nâng cao chất lượng Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Đảm bảo địa bàn các xã giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra tụ tập, khiếu kiện đông người; giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông; xây dựng lực lượng Công an, quân sự chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, xây dựng 95% xã vững mạnh về quốc phòng, xã an toàn về an ninh trật tự.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc duy trì các chế độ trực, lực lượng trực ở các đơn vị cơ sở. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác xây dựng lực lượng quân báo trình sát với việc tổ chức lực lượng dân quân nhằm nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc xử lý các tình huống phức tạp nảy sinh, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới sau năm 2020 của huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- TT.BCĐ CTMTQG XDNTM TW;
- Văn phòng Điều phối TW;
- Ban Chỉ đạo Tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND Huyện;
- Thành viên BCĐ huyện;
- Lưu: VT (NTM).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Nguyễn Văn Nhủ

